

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**



**HOÀNG NGỌC CƯƠNG**

**KIỂM TRA CỦA TỔNG CỤC THUẾ ĐỐI VỚI VIỆC  
QUẢN LÝ NỢ THUẾ CỦA CÁC CỤC THUẾ**

**ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ  
NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ**

**MÃ SỐ: 8310110**

**(CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH)**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. Bùi Thị Hồng Việt**

**PGS.TS. Đào Thanh Bình**

**Hà Nội - 2024**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu độc lập của riêng tôi, chưa từng được công bố trong bất kỳ tài liệu hay công trình nghiên cứu nào khác. Các số liệu, tư liệu nêu trong đề án được trích dẫn trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

Tôi đã đọc và hiểu về các hành vi vi phạm sự trung thực trong học thuật. Tôi cam kết bằng danh dự cá nhân rằng nghiên cứu này do tôi tự thực hiện và không vi phạm yêu cầu về sự trung thực trong học thuật.

**Tác giả đề án**

**Hoàng Ngọc Cương**

## LỜI CẢM ƠN

Đề án là kết quả của sự nỗ lực cố gắng của bản thân trong quá trình học tập, nghiên cứu ở nhà trường. Đạt được kết quả này, tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn đến quý thầy cô giáo Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, quý thầy cô giáo Khoa Khoa học quản lý đã nhiệt tình giúp đỡ, hỗ trợ và truyền đạt những kiến thức quý báu. Đặc biệt, tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến TS. Bùi Thị Hồng Việt, PGS.TS. Đào Thanh Bình đã dày công hướng dẫn, chỉ bảo tận tình cho tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và thực hiện đề án.

Cảm ơn lãnh đạo và các đồng nghiệp tại Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng, Tổng cục Thuế đã tạo điều kiện để tôi có thể hoàn thành đề án.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2024*

**Tác giả đề án**

**Hoàng Ngọc Cương**

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	ii
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC.....	Error! Bookmark not defined.
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	v
DANH MỤC BẢNG, HÌNH, HỘP.....	vi
TÓM TẮT ĐỀ ÁN THẠC SĨ.....	viii
PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
<b>CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TRA CỦA CƠ QUAN THUẾ TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN LÝ NỢ THUẾ CỦA CÁC CỤC THUẾ.....</b>	<b>5</b>
<b>1.1.    Quản lý nợ thuế của cục thuế.....</b>	<b>5</b>
1.1.1.    Khái niệm quản lý nợ thuế của cục thuế.....	5
1.1.2.    Quy trình quản lý nợ thuế của cục thuế.....	5
<b>1.2.    Kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.....</b>	<b>5</b>
1.2.1.    Khái niệm và mục tiêu kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.....	6
1.2.2.    Bộ máy kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.....	6
1.2.3.    Nội dung kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.....	8
1.2.4.    Hình thức kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.....	8
1.2.5.    Quy trình kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.....	9
<b>1.3.    Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.....</b>	<b>10</b>
1.3.1.    Các nhân tố thuộc về cơ quan thuế trung ương.....	10
1.3.2.    Các nhân tố thuộc về môi trường bên ngoài cơ quan thuế trung ương....	11
<b>CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG KIỂM TRA CỦA TỔNG CỤC THUẾ ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN LÝ NỢ THUẾ CỦA CÁC CỤC THUẾ.....</b>	<b>12</b>
<b>2.1.    Khái quát về Tổng cục Thuế và tình hình nợ thuế tại các cục thuế..</b>	<b>12</b>
2.1.1.    Khái quát về Tổng cục Thuế.....	12
2.1.2.    Tình hình nợ thuế tại các cục thuế.....	13
<b>2.2.    Thực trạng kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.....</b>	<b>16</b>

2.2.1.	Thực trạng bộ máy kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế .....	16
2.2.2.	Thực trạng hình thức kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế .....	20
2.2.3.	Thực trạng quy trình và nội dung kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế .....	23
<b>2.3.</b>	<b>Đánh giá chung về kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế .....</b>	<b>38</b>
2.3.1.	Đánh giá việc thực hiện mục tiêu kiểm tra .....	38
2.3.2.	Ưu điểm.....	39
2.3.3.	Hạn chế .....	41
2.3.4.	Nguyên nhân của hạn chế .....	42
<b>CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TRA CỦA TỔNG CỤC THUẾ ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN LÝ NỢ THUẾ CỦA CÁC CỤC THUẾ .....</b>		<b>45</b>
<b>3.1.</b>	<b>Định hướng hoàn thiện kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế đến năm 2030 .....</b>	<b>45</b>
3.1.1.	Bối cảnh và những yêu cầu mới trong kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.....	45
3.1.2.	Định hướng chung.....	45
<b>3.2.</b>	<b>Một số giải pháp hoàn thiện kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế .....</b>	<b>46</b>
3.2.1.	Giải pháp hoàn thiện bộ máy kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế .....	46
3.2.2.	Giải pháp hoàn thiện nội dung kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế .....	48
3.2.3.	Giải pháp hoàn thiện hình thức kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế .....	51
3.2.4.	Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế .....	52
3.2.5.	Giải pháp khác .....	53
<b>3.3.</b>	<b>Một số kiến nghị với Bộ Tài chính.....</b>	<b>54</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>		<b>56</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>		<b>57</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>		<b>59</b>

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Nguyên nghĩa
1.	BTC	Bộ Tài chính
2.	CQT	Cơ quan thuế
3.	CBCC	Cán bộ công chức
4.	Cục KTNB; GQKN, TC&PCTN	Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết Khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng
5.	CSDL	Cơ sở dữ liệu
6.	CNTT	Công nghệ thông tin
7.	DN	Doanh nghiệp
8.	ĐVT	Đơn vị tính
9.	GTGT	Giá trị gia tăng
10.	KTNB	Kiểm tra nội bộ
11.	MST	Mã số thuế
12.	NNT	Người nộp thuế
13.	NSNN	Ngân sách nhà nước
14.	QLT	Quản lý thuế
15.	TMS	Hệ thống quản lý thuế tập trung
16.	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
17.	TNCN	Thu nhập cá nhân

## DANH MỤC BẢNG, HÌNH, HỘP

### BẢNG

Bảng 2.1. Tình hình nợ thuế tại các cục thuế giai đoạn 2019 - 2023 .....	3
Bảng 2.2. Phân loại nợ thuế theo tính chất nợ giai đoạn 2019-2023 .....	15
Bảng 2.3. Nhân lực bộ máy kiểm tra của Tổng cục thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế giai đoạn 2019-2023 .....	18
Bảng 2.4. Kế hoạch kiểm tra định kỳ của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế giai đoạn 2019-2023.....	21
Bảng 2.5. Kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế theo tần suất giai đoạn 2019-2023.....	22
Bảng 2.6. Kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế theo phạm vi kiểm tra giai đoạn 2019-2023 .....	22
Bảng 2.7. Số quyết định kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế đã ban hành giai đoạn 2019-2023.....	25
Bảng 2.8. Kết quả kiểm tra việc thực hiện chỉ tiêu thu nợ.....	26
Bảng 2.9. Kết quả kiểm tra việc xử lý tiền thuế nợ.....	27
Bảng 2.10. Kết quả kiểm tra việc phân loại tiền thuế nợ .....	29
Bảng 2.11. Kết quả kiểm tra việc đôn đốc thu tiền thuế nợ .....	30
Bảng 2.12. Kết quả kiểm tra việc công khai thông tin người nộp thuế nợ tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước .....	33
Bảng 2.13. Kết quả kiểm tra việc báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý nợ; việc lưu trữ tài liệu, dữ liệu về quản lý nợ .....	34
Bảng 2.14. Số liệu về kết luận kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế giai đoạn 2019-2023.....	36
Bảng 2.15. Số liệu về việc thực hiện mục tiêu kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế giai đoạn 2019-2023.....	38

### HÌNH

Hình 1. Khung nghiên cứu .....	3
Hình 2.1. Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế .....	12
Hình 2.2 Bộ máy kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế .....	17

## **HỘP**

Hộp 2.1. Kết quả phỏng vấn sâu về bộ máy kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.....	20
Hộp 2.2. Kết quả phỏng vấn sâu về hình thức kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.....	23
Hộp 2.3. Kết quả phỏng vấn sâu về nội dung kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.....	35
Hộp 2.4. Kết quả phỏng vấn sâu về quy trình kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.....	37



## TÓM TẮT ĐỀ ÁN THẠC SĨ

Trước bối cảnh kinh tế xã hội có nhiều biến động hiện nay, cùng với số lượng người nộp thuế ngày càng tăng, các biểu hiện về né tránh nghĩa vụ thuế ngày càng phức tạp dẫn đến tổng số tiền thuế nợ ngày càng tăng, tỷ lệ nợ đọng thuế cao, việc này sẽ gián tiếp khiến công tác quản lý nợ thuế của các cục thuế xảy ra sai sót. Xuất phát từ vai trò quan trọng đó, việc kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế là nhu cầu cấp thiết, có ý nghĩa thiết thực. Chính vì vậy, học viên lựa chọn đề tài “*Kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế*” làm đề tài đề án thạc sĩ.

Kết cấu đề án có ba (03) chương gồm: Chương 1. Cơ sở lý luận về kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế; Chương 2. Phân tích thực trạng kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế; Chương 3. Giải pháp hoàn thiện kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

Tại chương 1, đề án đã nêu ra khái niệm và mục tiêu kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế, bộ máy kiểm tra, các nội dung kiểm tra, hình thức kiểm tra và quy trình kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế. Trong chương 2, đề án đã phân tích thực trạng kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế, đánh giá chung và chỉ ra một số hạn chế trong công tác kiểm tra như hạn chế về năng lực chuyên môn của cán bộ kiểm tra, hình thức kiểm tra theo chuyên đề còn ít và nội dung kiểm tra còn đi theo lối mòn, chưa đổi mới. Từ đó, tại chương 3 đề án đã nêu một số giải pháp và kiến nghị với cơ quan Bộ Tài chính để góp phần hoàn thiện hoạt động kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

Xin chân thành cảm ơn!

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Lý do chọn đề tài**

Thuế là nguồn thu quan trọng và chủ yếu của ngân sách nhà nước. Thực tế trong thời gian qua, với sự ra đời của các luật quản lý thuế đã thay đổi căn bản phương thức quản lý thuế hiện đại, liên quan trực tiếp đến cơ quan thuế và người nộp thuế. Cơ quan thuế không còn nhận tờ khai thuế để tính thuế và ra thông báo nộp thuế của NNT trừ khi phát hiện các sai sót, vi phạm hoặc các dấu hiệu không chấp hành luật thuế. Như vậy, NNT tự chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ thuế theo pháp luật thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm tuyên truyền, giải thích, tư vấn hỗ trợ giúp đỡ NNT hiểu rõ chính sách, thủ tục thuế, nâng cao tính hiểu biết về pháp luật thuế và tính tự giác tuân thủ thực hiện nghĩa vụ thuế theo pháp luật; đồng thời tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra giám sát việc chấp hành pháp luật thuế của NNT, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp không kê khai, kê khai sai, nộp không đủ số thuế đã kê khai... Do đó, chức năng kiểm tra các cơ quan thuế là một trong những trọng tâm của quản lý thuế với mục tiêu chính là kiểm soát việc tuân thủ và chấp hành pháp luật thuế của các cơ quan thuế.

Tổng nợ thuế toàn ngành tăng mạnh trong giai đoạn 2019 – 2023 (lần lượt năm 2019 là 83.443 tỷ đồng, năm 2020 là 95.542 tỷ đồng, năm 2021 là 114.228 tỷ đồng, năm 2022 là 148.387 tỷ đồng và năm 2023 là 169.990 tỷ đồng).

Tình hình Covid – 19 diễn biến phức tạp là nguyên nhân chính ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN, nhiều DN kinh doanh thua lỗ, không còn khả năng thanh toán; tài sản thế chấp tại ngân hàng dẫn đến không nộp ngay, nộp kịp thời các khoản tiền thuế phát sinh vào NSNN.

Bên cạnh yếu tố khách quan tác động đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN, công tác kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế còn nhiều hạn chế là một phần nguyên nhân làm số nợ thuế tăng lên.

Kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế nhằm nâng cao tinh thần chấp hành pháp luật của công chức thuế. Từ đó rắn đe, tăng tính chấp hành quy định pháp luật hơn. Do đó, việc kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế được ngành thuế ưu tiên hàng đầu.

Tuy nhiên, trước tình hình có nhiều thay đổi, đi đôi với sự gia tăng số lượng doanh nghiệp là sự lẩn tránh thực hiện nghĩa vụ thuế tinh vi, khó lường thể hiện qua việc nợ thuế tăng cao và có nhiều thay đổi phức tạp, gây khó khăn cho công tác quản lý nợ thuế của các cục thuế và việc này sẽ gián tiếp khiến công tác kiểm tra nội dung trên gặp

nhiều thách thức hơn.

Chính vì vậy, học viên chọn đề tài “**Kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế**” làm đề tài đề án thạc sỹ. Đề án sẽ nghiên cứu, đưa ra những giải pháp cần thiết để giải quyết những hạn chế, hoàn thiện hoạt động kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của cục thuế.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

- Xác định được cơ sở lý luận về kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

- Phân tích được thực trạng kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế; đánh giá được những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế của hoạt động.

- Đề xuất được một số giải pháp hoàn thiện kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của đề án là kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

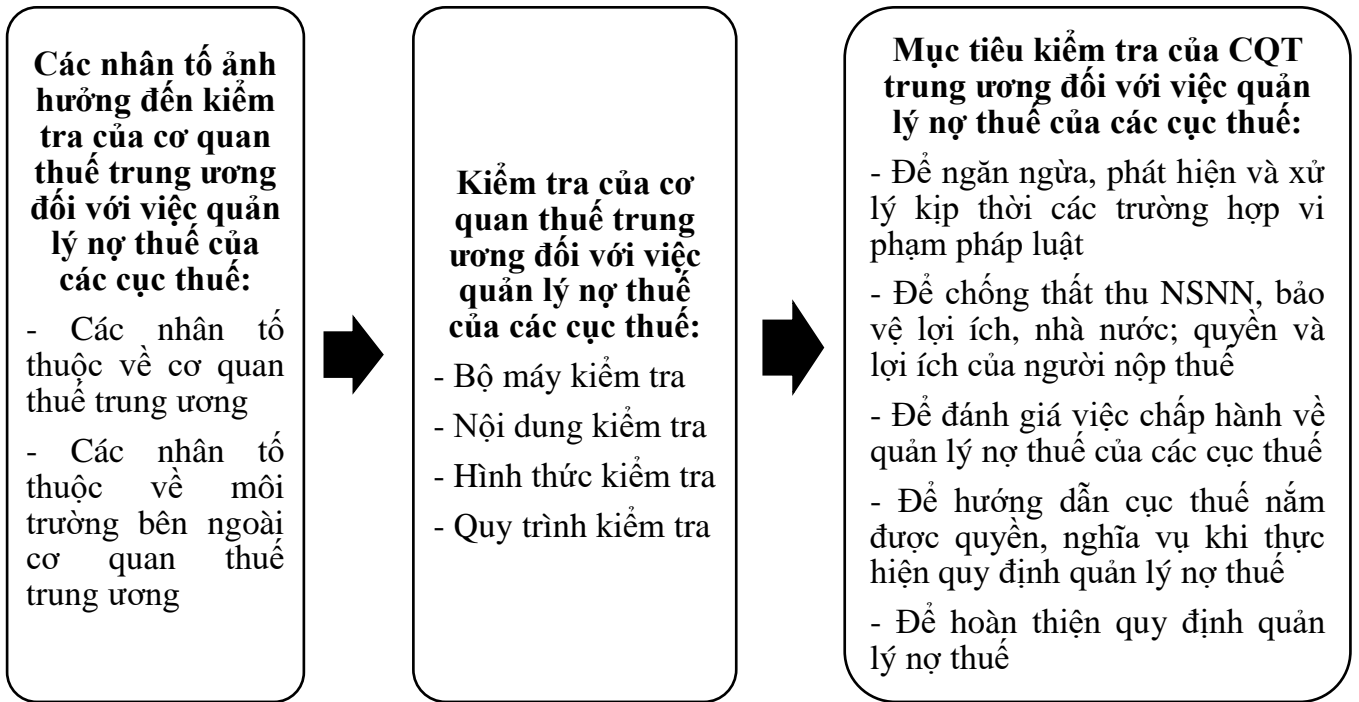
- Về nội dung: Kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế được nghiên cứu theo các nội dung sau: bộ máy kiểm tra, nội dung kiểm tra, hình thức kiểm tra, quy trình kiểm tra.

- Về không gian: Nghiên cứu tại Tổng cục Thuế

- Về thời gian: Dữ liệu thu thập cho giai đoạn 2019-2023 và đề xuất các giải pháp cho giai đoạn đến năm 2030.

## **4. Khung nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu**

#### 4.1. Khung nghiên cứu



**Hình 1. Khung nghiên cứu**

*Nguồn: Tác giả tổng hợp*

#### 4.2 Quy trình và phương pháp nghiên cứu

- Bước 1: Đọc và tổng hợp giáo trình, sách và tài liệu tham khảo để xác định cơ sở lý luận về kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế. Phương pháp được sử dụng ở bước này là phương pháp tổng hợp.

- Bước 2: Thu thập dữ liệu thứ cấp về kết quả kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế từ các báo cáo của Tổng cục Thuế. Phương pháp sử dụng ở bước này là phương pháp thống kê.

- Bước 3: Thu thập dữ liệu sơ cấp thông qua phỏng vấn sâu đại diện của các cục thuế để đánh giá công tác kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế. Số lượng cục thuế được phỏng vấn là tám (08), thời gian phỏng vấn từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2024.

- Bước 4: Dựa vào cơ sở dữ liệu thứ cấp và cơ sở dữ liệu sơ cấp lấy được, phân tích thực trạng kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế, từ đó đánh giá nêu ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong hoạt động này. Phương pháp sử dụng ở bước này là phương pháp phân tích, so sánh và tổng hợp.

- Bước 5: Trên cơ sở những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế đã chỉ ra tại bước 4, đề xuất các giải pháp hoàn thiện kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế. Phương pháp sử dụng ở bước này là phương pháp phân tích và tổng hợp.

## **5. Kết cấu của Đề án**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề án được kết cấu thành 3 chương:

- Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

- Chương 2: Phân tích thực trạng kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

- Chương 3: Giải pháp hoàn thiện kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

# CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM TRA CỦA CƠ QUAN THUẾ TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN LÝ NỢ THUẾ CỦA CÁC CỤC THUẾ

## 1.1. Quản lý nợ thuế của cục thuế

### 1.1.1. Khái niệm quản lý nợ thuế của cục thuế

Phan Hữu Nghị và Nguyễn Thị Bất (2020) cho rằng “thuế là khoản đóng góp có tính chất bắt buộc và là nguồn thu chủ yếu của NSNN”.

Quốc hội (2019) quy định “thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế”; “Tiền thuế nợ là tiền thuế và các khoản thu khác thuộc NSNN do cơ quan quản lý thuế quản lý thu mà NNT chưa nộp NSNN khi hết thời hạn nộp theo quy định”.

Theo Tổng cục Thuế (2022) thì quản lý nợ thuế của cục thuế là việc cục thuế xây dựng và thực hiện chỉ tiêu, đơn đốc thu hồi và xử lý các khoản tiền thuế nợ của NNT có nghĩa vụ nộp vào NSNN.

Từ các khái niệm và quy định trên có thể định nghĩa *quản lý nợ thuế của cục thuế là việc cục thuế xây dựng và thực hiện chỉ tiêu, đơn đốc thu hồi và xử lý các khoản tiền thuế nợ của NNT có nghĩa vụ nộp vào NSNN.*

### 1.1.2. Quy trình quản lý nợ thuế của cục thuế

Theo Tổng cục Thuế (2022), quy trình quản lý nợ thuế của cục thuế được thực hiện theo các nội dung sau:

- Xây dựng chỉ tiêu nợ.
- Phân công quản lý nợ.
- Phân loại tiền thuế nợ.
- Đơn đốc thu tiền thuế nợ và xử lý tiền thuế nợ.
- Công khai thông tin của người nộp thuế còn nợ thuế.
- Lập nhật ký và sổ theo dõi tình hình tiền thuế nợ; Lưu trữ tài liệu, dữ liệu về quản lý nợ.

## 1.2. Kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế

### ***1.2.1. Khái niệm và mục tiêu kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế***

#### ***1.2.1.1. Khái niệm***

Theo Đoàn Thị Thu Hà và Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2002), “kiểm tra là quá trình xem xét các hoạt động nhằm mục đích làm cho các hoạt động đạt kết quả tốt hơn, đồng thời kiểm tra góp phần phát hiện ra những sai sót, lệch lạc để có biện pháp khắc phục, bảo đảm cho hoạt động thực hiện đúng hướng”.

Từ khái niệm trên có thể định nghĩa, *kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế là quá trình cơ quan thuế trung ương xem xét, đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật về việc quản lý nợ thuế của các cục thuế*. Như vậy, chủ thể kiểm tra là cơ quan thuế trung ương và đối tượng kiểm tra là việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

#### ***1.2.1.2. Mục tiêu***

Mục tiêu kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế là nhằm:

Thứ nhất, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nợ thuế của các cục thuế.

Thứ hai, chống thất thu NSNN, bảo vệ lợi ích của nhà nước; quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế.

Thứ ba, đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý nợ thuế của các cục thuế nhằm phát huy nhân tố tích cực.

Thứ tư, hướng dẫn giúp đỡ, hỗ trợ các cán bộ của cục thuế nắm được quyền và nghĩa vụ của mình khi thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý nợ thuế.

Thứ năm, tham mưu hoàn thiện các quy định của pháp luật liên quan đến quản lý nợ thuế.

### ***1.2.2. Bộ máy kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế***

- Lãnh đạo cơ quan thuế trung ương: có chức năng phê duyệt kế hoạch kiểm tra; hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện quy trình nghiệp vụ về quản lý nợ thuế; Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị

cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm pháp luật trong quản lý nợ thuế.

- Cục kiểm tra nội bộ: có chức năng tham mưu, giúp lãnh đạo cơ quan thuế trung ương xây dựng kế hoạch hàng năm về công tác kiểm tra nội bộ đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế; Tham mưu tổ chức thực hiện kiểm tra việc tuân thủ pháp luật trong quản lý nợ thuế của các cục thuế, công chức, viên chức thuế; việc thực hiện các nội quy, quy chế làm việc, quy trình nghiệp vụ trong quản lý nợ thuế do cơ quan thuế trung ương ban hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan đối với tổ chức, cá nhân thuộc cục thuế theo chương trình kế hoạch, hoặc theo yêu cầu đột xuất của cấp có thẩm quyền.

Theo Phan Hữu Nghị và Nguyễn Thị Bất (2020), cục kiểm tra nội bộ có thể tổ chức theo các hình thức sau:

+ Mô hình tổ chức theo sắc thuế: có bộ phận kiểm tra về quản lý nợ thuế GTGT/thuế TNDN/thuế TNCN, ... các phòng ban riêng biệt được thành lập để kiểm tra việc quản lý nợ thuế của một sắc thuế hoặc một vài sắc thuế (ví dụ phòng kiểm tra liên quan đến thuế gián thu có chức năng kiểm tra về quản lý nợ thuế các loại thuế gián thu, phòng kiểm tra thuế trực thu có chức năng kiểm tra về quản lý nợ thuế các loại thuế trực thu,...).

+ Mô hình tổ chức theo địa bàn: các phòng ban được thành lập để kiểm tra một vài cục thuế nhất định (ví dụ có các phòng kiểm tra nội bộ 1 có chức năng kiểm tra các cục thuế trong khu vực miền bắc, phòng kiểm tra nội bộ 2 có chức năng kiểm tra các cục thuế trong khu vực miền nam,...).

Những nhân lực trong bộ máy này đòi hỏi phải có năng lực phù hợp, về kiến thức cần có hiểu biết về tài chính, về kế toán, nắm vững các quy định của pháp luật, chế độ chính sách liên quan đến lĩnh vực tài chính, thuế và quy trình nghiệp vụ quản lý có liên quan đến phân công việc được giao; về kỹ năng cần có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng kiểm tra cơ bản; về thái độ, phẩm chất cần tận tụy, trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan, công tâm; có thái độ đúng mực và xử sự văn hóa trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ, chuẩn mực trong giao tiếp, làm việc.

Khi tiến hành kiểm tra, cơ quan thuế trung ương thường thành lập các đoàn kiểm tra và thường được lấy nhân lực từ cục kiểm tra nội bộ.



### ***1.2.3. Nội dung kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế***

Kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế thường tập trung vào các nội dung sau:

- Kiểm tra việc thực hiện chỉ tiêu thu nợ và xử lý tiền thuế nợ: cơ quan thuế trung ương kiểm tra cục thuế có hoàn thành chỉ tiêu thu nợ đã được giao từ đầu năm hay không.

- Kiểm tra việc thực hiện phân loại nợ thuế: cơ quan thuế trung ương kiểm tra cục thuế có phân loại tính chất khoản nợ thuế theo trạng thái hoạt động của người nộp thuế có đúng theo quy định không.

- Kiểm tra việc thực hiện đơn đốc thu nộp nợ thuế: cơ quan thuế trung ương kiểm tra cục thuế đã thực hiện các biện pháp đơn đốc thu nợ đối với từng khoản nợ theo quy định không; đồng thời kiểm tra việc áp dụng cưỡng chế để đơn đốc thu nộp nợ thuế.

- Kiểm tra việc thực hiện công khai thông tin đối với người nộp thuế có nợ thuế: cơ quan thuế trung ương kiểm tra cục thuế hằng tháng có rà soát, lập danh sách với đối tượng có nợ thuế phải công bố theo quy định không.

- Kiểm tra việc báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý nợ; việc lưu trữ tài liệu, dữ liệu về quản lý nợ: cơ quan thuế trung ương kiểm tra cục thuế định kỳ hằng tháng, hằng năm có lập báo cáo gửi cơ quan thuế trung ương không; Kiểm tra cục thuế có lưu trữ hồ sơ quản lý nợ theo quy định không.

### ***1.2.4. Hình thức kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế***

- Theo tần suất kiểm tra: có hai hình thức là kiểm tra định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất

+ Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch: là việc cơ quan thuế trung ương kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế thuộc kế hoạch kiểm tra, thường là một năm lập kế hoạch một lần. Cơ quan thuế trung ương căn cứ vào thông tin về tình hình quản lý thuế trên địa bàn (như tình hình nợ thuế, xóa nợ thuế) và cơ sở dữ liệu khai thác từ hệ thống của ngành và áp dụng tiêu chí đánh giá rủi ro của các cục thuế, sau đó tính điểm các chỉ tiêu rủi ro và lựa chọn những cục thuế có điểm, chỉ tiêu rủi ro cao và đưa vào kế hoạch kiểm tra định kỳ của cơ quan thuế trung ương.

+ Kiểm tra đột xuất: là việc cơ quan thuế trung ương đưa vào kiểm tra đột xuất với những trường hợp cục thuế có rủi ro và cần thiết phải kiểm tra chấn chỉnh theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc dựa trên thông tin thu thập từ báo đài, đường dây nóng,...

- Theo phạm vi kiểm tra: có hai hình thức là kiểm tra toàn diện và kiểm tra chuyên đề

+ Kiểm tra toàn diện: là việc cơ quan thuế trung ương kiểm tra tất cả các nội dung liên quan đến quản lý nợ thuế.

+ Kiểm tra chuyên đề: là việc cơ quan thuế trung ương chỉ kiểm tra tập trung vào một số nội dung liên quan đến quản lý nợ thuế.

### ***1.2.5. Quy trình kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế***

Quy trình kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế là các trình tự và công việc cụ thể bắt buộc phải tuân thủ khi thực hiện một cuộc kiểm tra.

#### ***1.2.5.1. Chuẩn bị kiểm tra***

- Sau khi khai thác dữ liệu liên quan đến công tác kiểm tra, khai thác các ứng dụng của ngành thuế và phân tích dữ liệu, xác định các yếu tố, các nội dung, các khoản mục cần tập trung kiểm tra.

- Phân tích tình hình, dữ liệu xác định các khoản mục, nội dung, đối tượng có rủi ro phải tập trung kiểm tra để xây dựng đề cương kiểm tra.

Phân tích tình hình, dữ liệu xác định những nội dung, khoản mục và đối tượng có rủi ro để lọc ra danh sách hồ sơ, đối tượng, đơn vị... có rủi ro cao, có khả năng xảy ra sai phạm cần kiểm tra và dự thảo, ban hành đề cương kiểm tra theo quy định

- Dự thảo, trình ký và ban hành quyết định kiểm tra

Bộ phận kiểm tra dự thảo quyết định kiểm tra trình thủ trưởng cơ quan thuế ký ban hành (quyết định kiểm tra có nội dung kiểm tra, tên thành viên đoàn kiểm tra và các nội dung khác theo quy định). Sau khi ban hành quyết định, cần gửi cho cục thuế biết và chuẩn bị.

#### ***1.2.5.2. Tiến hành kiểm tra***

- Công bố quyết định kiểm tra

Việc công bố quyết định kiểm tra phải được lập thành biên bản và phải được ký giữa trưởng đoàn kiểm tra với thủ trưởng cơ quan, đơn vị được kiểm tra.

- Tiếp nhận thông tin (báo cáo, hồ sơ, tài liệu...) giữa đoàn kiểm tra và cục thuế được kiểm tra. Thực hiện lập biên bản giao nhận các tài liệu, hồ sơ được cấp.

- Thực hiện kiểm tra

Đoàn kiểm tra phân tích, kiểm tra chi tiết hồ sơ được cung cấp theo quy định hiện hành và xác định nguyên nhân, trách nhiệm đối với các vi phạm được phát hiện.

- Lập văn bản xác nhận kết quả sau kiểm tra với cục thuế được kiểm tra và thông báo kết thúc kiểm tra, tiến hành ký văn bản tổng hợp kết quả kiểm tra giữa các bên.

### *1.2.5.3. Kết thúc kiểm tra*

- Báo cáo kết quả kiểm tra

Trưởng đoàn kiểm tra thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra và dự thảo kết luận kiểm tra thông qua trưởng bộ phận kiểm tra nội bộ, người được giao nhiệm vụ giám sát đoàn kiểm tra (nếu có) cho ý kiến và trình người ban hành quyết định kiểm tra.

- Kết luận và lưu hành kết luận kiểm tra và theo dõi việc cục thuế thực hiện theo kiến nghị của kết luận kiểm tra.

Sau khi nhận được báo cáo kết quả kiểm tra, kèm theo dự thảo kết luận kiểm tra của đoàn kiểm tra, người ban hành quyết định kiểm tra phải có trách nhiệm xem xét, nếu không phải chỉnh sửa thì ra kết luận kiểm tra.

- Nhập dữ liệu vào ứng dụng kiểm tra nội bộ ngành thuế

Trưởng đoàn kiểm tra có trách nhiệm nhập dữ liệu đúng tiến độ theo từng bước phát sinh của cuộc kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính kịp thời, đầy đủ, chính xác về tình hình và số liệu cuộc kiểm tra nhập vào hệ thống ứng dụng KTNB.

## **1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế**

### *1.3.1. Các nhân tố thuộc về cơ quan thuế trung ương*

*Thứ nhất, sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo cơ quan thuế trung ương.*

Khi lãnh đạo cơ quan thuế trung ương quan tâm, hậu thuẫn và chỉ đạo sát sao đến việc triển khai, vận hành. Việc thực hiện kiểm tra sẽ không gặp nhiều khó khăn và mang lại hiệu quả cao.

*Thứ hai, nguồn dữ liệu của cơ quan thuế trung ương.*

Sở hữu nguồn dữ liệu thông tin đầy đủ, chi tiết và chính xác giúp chủ động quản lý được rủi ro trong công tác quản lý theo nhu cầu thực tế. Thông tin là nền tảng để thực hiện việc kiểm tra đạt hiệu quả cao.

*Thứ ba, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào kiểm tra.*

Khi số hoá được các tiêu chí đánh giá rủi ro và ứng dụng vào nguồn dữ liệu đã có sẽ giảm tải được công việc, đồng thời tiết kiệm thời gian, nhân lực và chi phí cho công tác tiền kiểm tra.

### **1.3.2. Các nhân tố thuộc về môi trường bên ngoài cơ quan thuế trung ương**

*Thứ nhất, các quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế nói chung cũng như quản lý nợ thuế nói riêng*

Các quy định pháp luật về thuế là nền tảng cho hoạt động quản lý thuế của cơ quan thuế và công tác kiểm tra của cơ quan thuế trung ương. Khi pháp luật thuế thống nhất giúp dễ dàng triển khai và thực hiện.

*Thứ hai, sự ảnh hưởng của điều kiện kinh tế xã hội.*

Trong xu thế phát triển kinh tế theo hướng hội nhập và toàn cầu hoá, khuyến khích đầu tư, tự do hoá thương mại trong khu vực và trên toàn thế giới nên việc hội nhập quốc tế về thuế ngày càng mở rộng. Hệ thống quy phạm luật pháp về thuế sẽ dần được hoàn thiện, công tác quản lý thuế phải được cải cách và hiện đại hoá theo các chuẩn mực quản lý thuế quốc tế, cơ sở trang thiết bị vật chất kỹ thuật ngày càng được hiện đại hoá và số lượng NNT không ngừng tăng lên nhanh chóng dẫn đến số tiền thuế nợ tăng theo. Tất cả những biến đổi trên đều tác động lớn tới hiệu quả của công tác kiểm tra đặc biệt là kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

*Thứ ba, sự phối hợp của các cơ quan hữu quan.*

Công tác phối hợp tốt với các đơn vị có liên quan giúp việc kiểm tra dễ dàng, giảm thiểu thời gian xác minh trong việc xác định thông tin, kiểm tra việc cưỡng chế, thu hồi nợ thuế của cục thuế với NNT.

*Thứ tư, năng lực và ý thức tôn trọng pháp luật của các cục thuế.*

Nếu lãnh đạo cục thuế cũng như công chức trực tiếp thực hiện công tác nợ thuế của cục thuế mà có năng lực tốt đồng thời có ý thức tôn trọng pháp luật sẽ giảm thiểu các hành vi sai phạm trong quản lý thuế nói chung và quản lý nợ thuế nói riêng, từ đó tạo thuận lợi cho hoạt động kiểm tra của cơ quan thuế trung ương đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

## CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH THỰC TRẠNG KIỂM TRA CỦA TỔNG CỤC THUẾ ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN LÝ NỢ THUẾ CỦA CÁC CỤC THUẾ

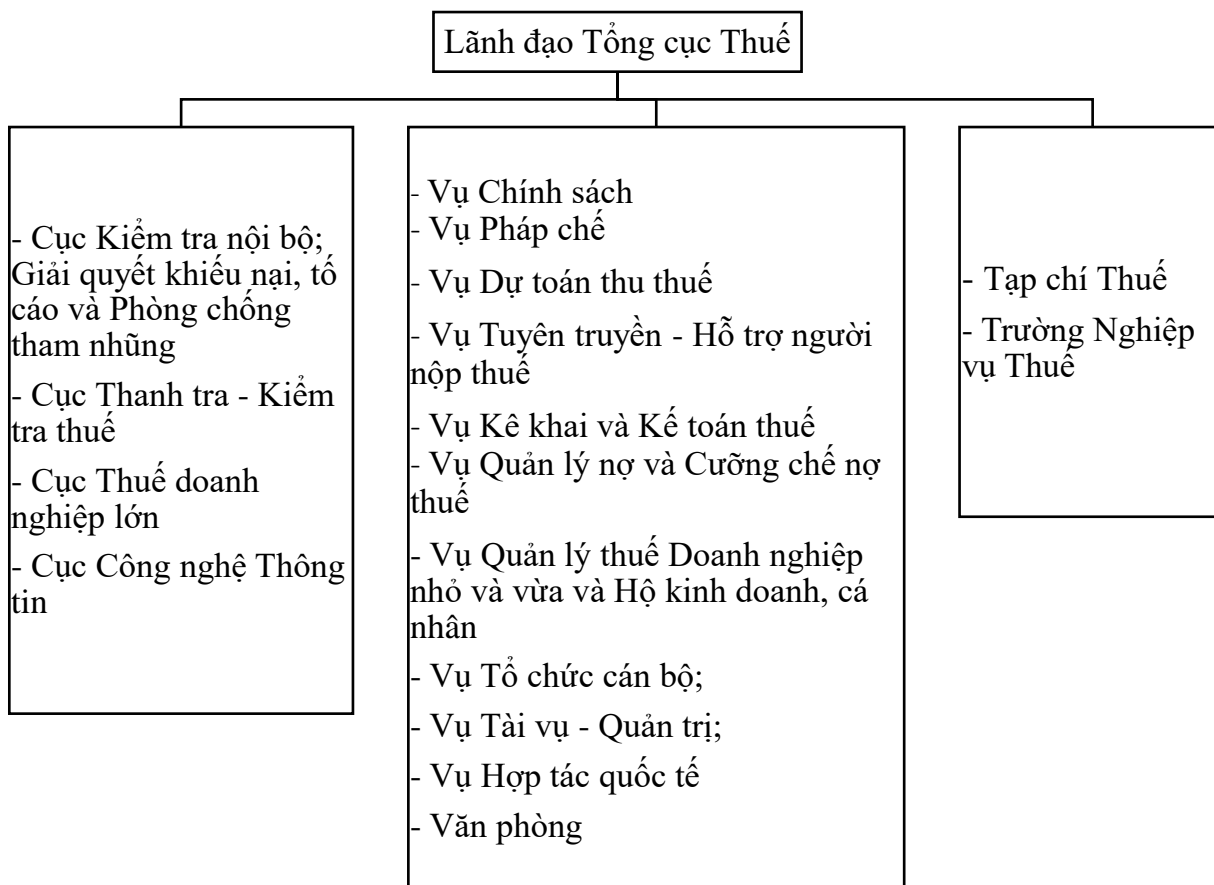
### 2.1. Khái quát về Tổng cục Thuế và tình hình nợ thuế tại các cục thuế

#### 2.1.1. Khái quát về Tổng cục Thuế

Theo Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Tổng cục Thuế là tổ chức thuộc Bộ Tài chính, có chức năng tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý các khoản thu nội địa trong phạm vi cả nước; tổ chức quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

Tổng nhân lực toàn ngành thuế tính đến 31/12/2023 là 1002 người.

Tổng thu ngân sách nhà nước của Tổng cục Thuế năm 2023 là 1.531.524 tỷ đồng.



Hình 2.1. Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế

Nguồn: Tổng cục Thuế

### 2.1.2. Tình hình nợ thuế tại các cục thuế

Tình hình nợ thuế tại các cục thuế giai đoạn 2019 - 2023 như sau:

**Bảng 2.1. Tình hình nợ thuế tại các cục thuế giai đoạn 2019 - 2023**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

CHỈ TIÊU	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng thực thu NSNN	1.431.872	1.551.074	1.338.124	1.476.100	1.531.524
Tổng nợ	83.443	95.542	114.228	148.387	169.990
Số tiền thuế nợ đã thu được	18.518	18.602	28.408	39.831	47.044

*Nguồn: Tổng cục Thuế*

Dữ liệu tại bảng cho thấy tổng nợ có xu hướng tăng trong năm từ 2019 – 2023. Cụ thể: năm 2019, tổng nợ thuế là 83.443 tỷ đồng, năm 2020 là 95.542 tỷ đồng, năm 2021 tăng thêm 19,6% (tương đương 18.687 tỷ đồng) so với năm 2020, đạt 114.228 tỷ đồng, năm 2022 và 2023 cho thấy mức tăng lên đáng kể, lần lượt đạt 148.387 tỷ đồng và 169.990 tỷ đồng.

Lý do chính khiến nợ thuế tăng cao là ảnh hưởng của Covid-19 đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN, nhiều DN kinh doanh thua lỗ, không còn khả năng thanh toán; tài sản thế chấp tại ngân hàng dẫn đến không nộp ngay, nộp kíp thời các khoản tiền thuế phát sinh vào NSNN. Bên cạnh đó, một bộ phận DN mới khởi nghiệp cũng chật vật về vấn đề tài chính, chưa có kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh, phát sinh nợ thuế mới, làm số nợ thuế tăng lên, ..

Tuy nhiên, dấu hiệu tích cực nhìn nhận cho thấy ở số thu ngân sách nhà nước, tăng ở năm 2020 đồng thời cũng đạt mức thu ngân sách nhà nước cao nhất trong giai đoạn từ 2019 – 2023 đạt 1.551.074 tỷ đồng, sau đó giảm vào năm 2021 tuy nhiên tăng trở lại vào các năm 2022 và 2023 đạt 1.531.524 tỷ đồng.

Ngoài ra, thực trạng tiền nợ thuế tăng trong thời gian qua phần nào cũng do nhiều NNT vẫn nhầm lẫn trong việc xác định mục, tiểu mục để nộp tiền thuế vào NSNN, dẫn

đến phát sinh tiền thuế đang chờ điều chỉnh. Bên cạnh đó, một số cơ quan liên quan như: Ngân hàng, công an, tòa án,.. phối hợp với nhau chưa được tốt, dẫn đến việc thu hồi nợ thuế chưa hiệu quả.

Không những vậy, số tiền thuế nợ đã thu hồi được tăng dần qua các năm (năm 2019 đạt 18.518 tỷ đồng, năm 2020 đạt 18.602 tỷ đồng, năm 2021 đạt 28.408 tỷ đồng, năm 2022 là 39.831 tỷ đồng và năm 2023 đạt 47.044 tỷ đồng) cho thấy sự quyết liệt trong công tác thu hồi tiền nợ thuế của ngành.

**Bảng 2.2. Phân loại nợ thuế theo tính chất nợ giai đoạn 2019-2023**

CHỈ TIÊU	Năm phân tích									
	2019		2020		2021		2022		2023	
	Số tiền thuế nợ (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền thuế nợ (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền thuế nợ (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền thuế nợ (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền thuế nợ (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng số thuế nợ</b>	<b>83.443</b>	<b>100,00</b>	<b>95.542</b>	<b>100,00</b>	<b>114.228</b>	<b>100,00</b>	<b>148.387</b>	<b>100,00</b>	<b>169.990</b>	<b>100,00</b>
Nợ có khả năng thu	40.610	48,67	54.735	57,29	70.974	62,13	105.032	70,78	91.778	53,99
Nợ khó thu	37.637	45,10	28.292	29,61	23.044	20,17	22.521	15,18	26.770	15,75
Nợ đang chờ xử lý	4.352	5,22	10.024	10,49	10.411	9,11	9.408	6,34	11.112	6,54
Nợ đang khiếu nại, khiếu kiện	844	1,00	2.491	2,61	9.799	8,58	11.426	7,70	13.180	7,75

*Nguồn: Tổng cục Thuế*



Qua số liệu ở bảng trên, nhóm nợ có khả năng thu và nhóm nợ khó thu là hai nhóm nợ chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng nợ. Xu hướng của tiền thuế nợ có khả năng thu thay đổi trong năm 2019-2023, cụ thể năm 2020 tăng 14.125 tỷ đồng, năm 2021 tăng thêm 16.239 tỷ đồng, năm 2022 tăng thêm 34.058 tỷ (đồng thời là mức tăng lớn nhất trong các năm) trước khi giảm 13.254 tỷ vào năm 2023.

Tuy nhiên, khoản nợ khó thu giảm đi trong các năm từ 2019-2023, cụ thể năm 2019 là 37.637 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 45,1% trên tổng số thuế nợ), năm 2020 là 28.292 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 29,61 % trên tổng số thuế nợ), năm 2021 là 23.044 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 20,17 % trên tổng số thuế nợ), năm 2022 là 22.521 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 15,18% trên tổng số thuế nợ) và năm 2023 là 26.770 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 15,75 % trên tổng số thuế nợ). Như vậy, số thuế nợ khó thu đã giảm trong giai đoạn từ năm 2019-2022, tuy nhiên đến năm 2023 tăng nhẹ, đạt 26.770 tỷ đồng.

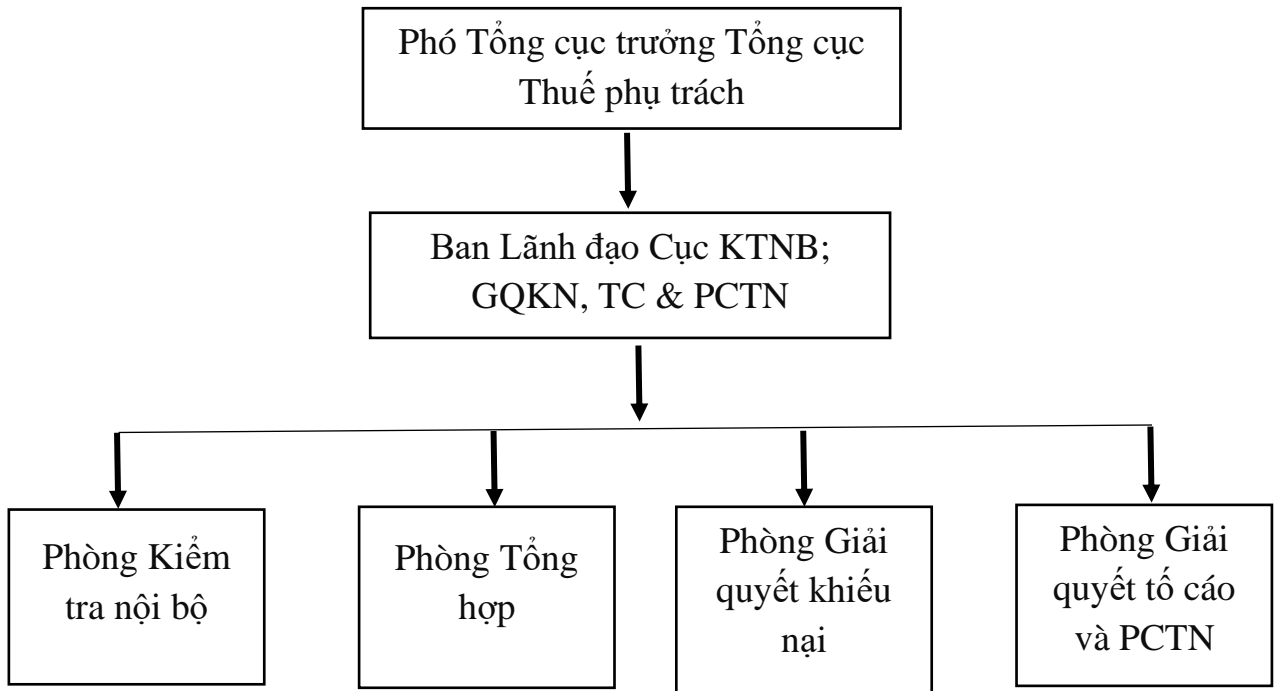
Một trong những nguyên nhân chính làm cho nợ khó thu giảm mạnh là do Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ban hành có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 đã dừng việc tính tiền chậm nộp phát sinh đối với khoản nợ khó thu.

Nợ đang xử lý chủ đạo là tiền nợ ảo, cần bóc tách khỏi số nợ tổng. Khoản nợ thuế được phân loại vào nợ đang xử lý và đang chờ điều chỉnh cũng đã thể hiện phần nào hiệu quả của hoạt động phân loại nợ thuế, tính trách nhiệm của công chức QLNT trong việc xác định tính chất của từng khoản nợ để phân loại chính xác và có biện pháp xử lý phù hợp.

Khi phân loại nợ đang xử lý bao gồm các trường hợp thuộc đối tượng xóa nợ theo Luật Quản lý thuế nhưng chưa đủ hồ sơ: Các cá nhân, hộ kinh doanh còn nợ thuế nhưng đã chết, mất tích, hiện CQT chưa xác định được là không còn tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt, do không để lại di chúc. Một số DN đã phá sản nhưng không làm các thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật nên chưa có đủ cơ sở để xem xét xóa nợ thuế (thiếu tờ khai quyết toán thuế, quyết định tuyên bố phá sản...). Một số trường hợp thuộc đối tượng nộp thuế được gia hạn nộp thuế nhưng CQT gặp khó khăn khi xác định số tiền thuế được gia hạn nộp thuế.

## **2.2. Thực trạng kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế**

### ***2.2.1. Thực trạng bộ máy kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế***



**Hình 2.2 Bộ máy kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế**

*Nguồn: Tổng cục Thuế*

- Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế: phụ trách chỉ đạo chung công tác kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế; Phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

- Ban Lãnh đạo Cục KTNB; GQKN,TC&PCTN:

+ Cục trưởng Cục KTNB; GQKN,TC&PCTN: chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch kiểm tra để tham mưu cho Lãnh đạo Tổng cục Thuế; chỉ đạo tổ chức triển khai, giám sát việc kiểm tra, xác minh, tổng hợp, báo cáo và các nội dung liên quan về công tác kiểm tra việc quản lý nợ thuế của các cục thuế theo quy định.

+ Các Phó Cục trưởng Cục KTNB; GQKN,TC&PCTN: tổ chức thực hiện kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về quản lý nợ thuế của các cục thuế; việc thực hiện quy trình nghiệp vụ do Tổng cục Thuế ban hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan theo chương trình kế hoạch, hoặc theo yêu cầu đột xuất của cấp có thẩm quyền.

- Phòng Kiểm tra nội bộ: chủ trì xây dựng và thực hiện kế hoạch kiểm tra nội bộ hàng năm thuộc phạm vi của cục; đề xuất, kiến nghị biện pháp xử lý đối với các cục thuế có hành vi vi phạm trong công tác quản lý nợ thuế được phát hiện thông qua công tác kiểm tra. Các công chức phòng kiểm tra nội bộ, chuẩn bị dữ liệu phục vụ lập kế

hoạch kiểm tra định kỳ, lấy dữ liệu phục vụ hoàn thiện đề cương kiểm tra, tham gia đoàn kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế theo quy định.

- Phòng Giải quyết tố cáo và Phòng chống tham nhũng: chủ trì, phối hợp với phòng kiểm tra nội bộ xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra về công tác giải quyết tố cáo đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế theo quy định; thực hiện kiểm tra, xác minh, đề xuất giải quyết tố cáo, kiến nghị, phản ánh về thực thi công vụ đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

- Phòng Giải quyết khiếu nại: Phối hợp với phòng kiểm tra nội bộ xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra về công tác giải quyết khiếu nại liên quan đến công tác quản lý nợ thuế của các cục thuế theo quy định; thực hiện kiểm tra, xác minh, đề xuất giải quyết đơn khiếu nại của người nộp thuế, của các cục thuế liên quan đến việc quản lý nợ thuế của cục thuế.

- Phòng Tổng hợp: Phối hợp với phòng kiểm tra nội bộ cử nhân sự triển khai kế hoạch kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

Khi kiểm tra việc quản lý nợ thuế của các cục thuế, Tổng cục Thuế thành lập các đoàn kiểm tra trong đó nhân lực chủ yếu từ phòng kiểm tra nội bộ. Tuy nhiên, cần thiết tăng cường thêm nhân lực từ các phòng giải quyết tố cáo và phòng chống tham nhũng, phòng giải quyết khiếu nại và phòng tổng hợp. Đối với trưởng đoàn kiểm tra phải đáp ứng các yêu cầu sau: (1) tốt về đạo đức, minh bạch trong công việc; (2) có chuyên môn kiểm tra tốt với nội dung kiểm tra; (3) có thể điều hành tốt sự phối hợp trong đoàn kiểm tra; (4) phải từ phó trưởng phòng trở lên hoặc chuyên viên chính và tương đương trở lên.

**Bảng 2.3. Nhân lực bộ máy kiểm tra của Tổng cục thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế giai đoạn 2019-2023**

*Đơn vị tính: Người*

STT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
	<b>Tổng nhân lực</b>	<b>34</b>	<b>40</b>	<b>62</b>	<b>68</b>	<b>71</b>
1	<i>Phân theo bộ phận</i>					
	Lãnh đạo Tổng cục Thuế	5	5	5	5	5
	Lãnh đạo Cục KTNB; GQKN,TC&PCTN	4	4	4	4	4

STT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
	Phòng Kiểm tra nội bộ	10	11	16	18	18
	Phòng Giải quyết Tố cáo và PCTN	10	9	15	18	18
	Phòng Giải quyết Khiếu nại	5	9	14	15	16
	Phòng Tổng hợp	5	7	13	13	15
2	<b><i>Phân theo vị trí</i></b>					
	Lãnh đạo, quản lý	4	4	12	14	15
	Công chức	30	36	50	54	56
3	<b><i>Phân theo thâm niên công tác</i></b>					
	Dưới 05 năm	4	2	9	12	15
	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	25	20	33	36	33
	Từ 10 năm trở lên	15	18	20	20	23
4	<b><i>Phân theo trình độ</i></b>					
	Tiến sĩ	0	0	0	0	0
	Thạc sĩ	23	25	31	36	37
	Cử nhân	11	15	31	32	34
5	<b><i>Phân theo ngành đào tạo</i></b>					
	Ngành Kinh tế, Kế toán, Thuế, Kiểm toán	19	21	21	20	23
	Ngành khác	15	19	41	48	48

*Nguồn: Tổng cục Thuế*

Qua bảng trên, có thể thấy nhân lực bộ máy kiểm tra của Tổng cục Thuế tăng từng năm (năm 2020 tăng thêm 6 người, năm 2021 tăng thêm 22 người, năm 2022 tăng thêm 6 người và năm 2023 tăng thêm 3 người). Số lượng công chức Phòng Kiểm tra nội bộ luôn chiếm trọng số tổng cán bộ công chức của đơn vị (năm 2019 chiếm 29,4%, năm 2020 chiếm

27,5%, năm 2021 chiếm 25,8%, năm 2022 chiếm 26,4% và năm 2023 chiếm 25,3%), cho thấy sự quan tâm của Lãnh đạo đơn vị nhằm đảm bảo hoàn thành công việc cũng như nhiệm vụ chính trị được giao phó của Lãnh đạo Tổng cục. Bên cạnh đó, trình độ cán bộ công chức của đơn vị phần lớn là thạc sĩ và chuyên môn đa dạng.

Tuy nhiên, bộ máy kiểm tra vẫn chưa thực sự đảm nhiệm được khối lượng công việc và vai trò kiểm tra, lực lượng cán bộ chuyên trách thực hiện công tác kiểm tra có thể thấy rõ vẫn chiếm phần trăm rất nhỏ trong tổng số cán bộ. Ngoài ra, năng lực chuyên môn và tính liên chính của một số cán bộ kiểm tra nội bộ còn thấp nên việc phân tích thông tin để phục vụ kiểm tra và việc chấp hành kiểm tra chưa minh bạch.

### **Hộp 2.1. Kết quả phỏng vấn sâu về bộ máy kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế**

- *Đại diện Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh*: Bộ máy kiểm tra của Tổng cục Thuế đã đảm bảo được yêu cầu về số lượng và chất lượng cho các cuộc kiểm tra.

- *Đại diện Cục Thuế thành phố Hà Nội*: Bộ máy kiểm tra của Tổng cục Thuế về đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ. Tuy nhiên, cần tăng số lượng nhân lực Đoàn Kiểm tra khi kiểm tra tại các cục thuế lớn, phức tạp để đảm bảo chất lượng cuộc kiểm tra.

- *Đại diện Cục Thuế tỉnh Bắc Giang*: Năng lực chuyên môn của một bộ phận cán bộ kiểm tra nội bộ còn thấp nên việc phân tích thông tin để phục vụ kiểm tra tại một số cục thuế chưa sâu, chưa phát hiện được bất hợp lý giữa số liệu trên các báo cáo của đơn vị

- *Đại diện Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên*: Một bộ phận cán bộ kiểm tra chưa thực sự nghiêm minh khi thực hiện kiểm tra.

*Nguồn: Kết quả phỏng vấn sâu của tác giả*

### **2.2.2. Thực trạng hình thức kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế**

#### **2.1.1.1. Theo tần suất kiểm tra**

##### **a. Kiểm tra định kỳ theo kế hoạch**

Theo Tổng cục Thuế (2018), Tổng cục Thuế phê duyệt kế hoạch kiểm tra năm tiếp theo trước ngày 15/10 của năm hiện tại.

Quy trình lập kế hoạch kiểm tra định kỳ của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế như sau:

- Phòng kiểm tra nội bộ tập hợp, phân tích thông tin và xác định đối tượng, nội dung và thời kỳ kiểm tra trình Tổng cục Thuế lập kế hoạch kiểm tra hàng năm (trong đó bao gồm việc kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế).

- Trên cơ sở kết quả áp dụng Bộ tiêu chí đánh giá rủi ro và trên cơ sở hướng dẫn lập kế hoạch kiểm tra hàng năm và tình hình thực tế tại đơn vị, Phòng kiểm tra nội bộ tham mưu Cục trưởng Cục KTNB; GQKN,TC&PCTN nội dung kiểm tra dự kiến.

- Phòng KTNB thực hiện lập kế hoạch kiểm tra thuộc phạm vi kiểm tra của Tổng cục trình Lãnh đạo Cục KTNB; GQKN,TC&PCTN ban hành trước ngày 15/10.

**Bảng 2.4. Kế hoạch kiểm tra định kỳ của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế giai đoạn 2019-2023**

*Đơn vị tính: cuộc*

STT	Nội dung	2019	2020	2021	2022	2023
1	Số cuộc kiểm tra định kỳ đề xuất lập kế hoạch	9	11	14	16	12
2	Số cuộc kiểm tra định kỳ được phê duyệt	8	12	12	16	12

*Nguồn: Tổng cục Thuế*

Bảng số liệu cho thấy, tỷ lệ số cuộc kiểm tra định kỳ được phê duyệt/số cuộc kiểm tra định kỳ được đề xuất đều cao (năm 2019 và 2020 chỉ có 01 cuộc kiểm tra không được phê duyệt đưa vào kế hoạch kiểm tra định kỳ, năm 2021 có 02 cuộc kiểm tra đề xuất không được phê duyệt, các năm 2022 và 2023 toàn bộ số cuộc kiểm tra định kỳ đề xuất được thông qua).

#### b. Kiểm tra đột xuất

Theo Tổng cục Thuế (2018), công tác KTNB đột xuất khi có khiếu nại, tố cáo hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật của cơ quan Thuế; các Vụ, đơn vị; công chức, viên chức ngành thuế hoặc theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Dựa trên thông tin thu thập từ báo đài, đường dây nóng của ngành, phòng KTNB tiến hành phân tích, đánh giá xác định những nội dung quản lý cần thiết phải kiểm tra chấn chỉnh để đưa vào diện kiểm tra đột xuất trình lãnh đạo Cục, lãnh đạo Tổng cục phê duyệt.

**Bảng 2.5. Kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế theo tần suất giai đoạn 2019-2023**

*Đơn vị tính: cuộc*

STT	Nội dung	2019	2020	2021	2022	2023
1	Số cuộc kiểm tra định kỳ theo kế hoạch	8	12	0	16	12
2	Số cuộc kiểm tra đột xuất	1	0	0	2	0
<b>Tổng số cuộc kiểm tra</b>		9	12	0	18	12

*Nguồn: Tổng cục Thuế*

Bảng số liệu trên cho thấy, theo tần suất kiểm tra, kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế chủ yếu là các cuộc kiểm tra định kỳ theo kế hoạch (cụ thể 8/9 cuộc năm 2019, 12/12 cuộc năm 2020, năm 2021 không thực hiện kiểm tra do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19, 16/18 cuộc năm 2022 và 12/12 cuộc năm 2023). Như vậy, số lượng cuộc kiểm tra đột xuất chưa cao.

#### *2.1.1.2. Theo phạm vi kiểm tra*

Kiểm tra toàn diện là hình thức kiểm tra có phạm vi kiểm tra bao trùm tất cả các nội dung đối với công tác quản lý nợ thuế của các cục thuế. Kiểm tra chuyên đề là hình thức kiểm tra đối với một hoặc một số nội dung trong công tác quản lý nợ thuế của các cục thuế.

**Bảng 2.6. Kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế theo phạm vi kiểm tra giai đoạn 2019-2023**

*Đơn vị tính: cuộc*

STT	Nội dung	2019	2020	2021	2022	2023
1	Số cuộc kiểm tra toàn diện	9	12	0	18	12
2	Số cuộc kiểm tra chuyên đề	0	0	0	0	0
<b>Tổng số cuộc kiểm tra</b>		9	12	0	18	12

*Nguồn: Tổng cục Thuế*

Số liệu cho thấy, các cuộc kiểm tra toàn diện chiếm chủ yếu trong kế hoạch kiểm tra của Tổng cục Thuế. Cụ thể số cuộc kiểm tra toàn diện năm 2019 là 9/9 cuộc, năm 2020 là 12/12 cuộc, năm 2022 là 18/18 cuộc và năm 2023 là 12/12 cuộc. Điều đó thể hiện công tác kiểm tra chuyên đề ít được quan tâm, thực hiện. Cụ thể, giai đoạn từ năm 2019 đến năm

2023, Tổng cục Thuế chưa thực hiện cuộc kiểm tra chuyên đề đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

## **Hộp 2.2. Kết quả phỏng vấn sâu về hình thức kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế**

- *Đại diện Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc*: Hình thức kiểm tra cơ bản đã đảm bảo được yêu cầu theo quy định của ngành Thuế.

- *Đại diện Cục Thuế tỉnh Hà Nam*: Hình thức kiểm tra của Tổng cục Thuế về đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về tính khách quan. Tuy nhiên, cần có cơ chế để đảm bảo tăng thêm số cuộc kiểm tra chuyên đề.

- *Đại diện Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên*: Tỷ lệ triển khai kiểm tra theo hình thức đột xuất còn thấp.

*Nguồn: Kết quả phỏng vấn sâu của tác giả*

### **2.2.3. Thực trạng quy trình và nội dung kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế**

Quy trình kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế được thể hiện ở Quyết định số 212/QĐ-TCT ngày 07/3/2018 về việc ban hành Quy trình kiểm tra nội bộ ngành thuế và hiện nay Tổng cục Thuế đang tiến hành kiểm tra theo đúng quy trình này.

#### **2.1.1.3. Chuẩn bị kiểm tra**

- Thu thập thông tin liên quan đến công tác kiểm tra, khai thác các ứng dụng của ngành thuế và phân tích dữ liệu, xác định các yếu tố, các nội dung, các khoản mục cần tập trung kiểm tra. Cụ thể:

Sau khi kế hoạch kiểm tra đã được Tổng cục Thuế ban hành, trưởng phòng hoặc phó phòng kiểm tra nội bộ - Cục KTNB; GQKN, TC&PCTN phân công các công chức dự kiến tham gia Đoàn kiểm tra thực hiện khai thác dữ liệu trên các ứng dụng của ngành thuế. Công tác khai thác dữ liệu được thực hiện trong 2 – 3 tuần trước khi chính thức ban hành quyết định kiểm tra. Vẫn còn trường hợp việc phân công lấy dữ liệu trước khi kiểm tra được thực hiện bởi một số công chức, tuy nhiên sau đó đoàn viên chính thực lại được thay đổi và phải thực hiện lấy lại dữ liệu do tiêu chí, quan điểm của lãnh đạo đoàn kiểm tra khác nhau. Trên thực tế, nhóm được phân công khai thác dữ liệu sẽ đồng thời phân tích và lựa chọn ra những vấn đề, hồ sơ trọng điểm phải kiểm tra kỹ.



- Phân tích tình hình, dữ liệu xác định các khoản mục, nội dung, đối tượng có rủi ro phải tập trung kiểm tra để xây dựng đề cương kiểm tra.

Trên cơ sở các thông tin đã thu thập được, tiến hành phân tích tình hình, dữ liệu xác định những nội dung, khoản mục và đối tượng có rủi ro để lọc ra danh sách hồ sơ, đối tượng, đơn vị...có rủi ro cao, có khả năng xảy ra sai phạm cần kiểm tra. Căn cứ kết quả phân tích xác định được danh sách hồ sơ, đối tượng, đơn vị...có rủi ro, Cục trưởng Cục KTNB; GQKN,TC&PCTN phân công trưởng đoàn kiểm tra xây dựng đề cương kiểm tra của cuộc kiểm tra đó, thông qua Cục trưởng Cục KTNB; GQKN,TC&PCTN trình Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế phụ trách trực tiếp phê duyệt và ban hành. Tuy nhiên, công tác lập kế hoạch kiểm tra nội bộ mặc dù có ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro nhưng vẫn còn cảm tính và dựa trên kinh nghiệm của người làm kế hoạch do nhiều tiêu chí phân tích rủi ro theo quy định đã không còn phù hợp với thực tế. Một số đoàn kiểm tra phân tích hồ sơ trước khi ban hành quyết định kiểm tra chưa sâu, chưa xác định vấn đề trọng tâm để đưa vào đề cương kiểm tra và áp dụng kỹ thuật đánh giá rủi ro tiềm tàng chưa đồng bộ và nhất quán.

- Dự thảo, trình ký và ban hành quyết định kiểm tra

+ Dự thảo, trình ký quyết định kiểm tra

Trên cơ sở trình nhân sự đoàn kiểm tra và theo ý kiến chỉ đạo của Cục trưởng Cục KTNB; GQKN,TC&PCTN, các trưởng đoàn lập dự thảo quyết định kiểm tra trình Cục trưởng Cục KTNB; GQKN,TC&PCTN ký ban hành (quyết định kiểm tra có nội dung kiểm tra, tên thành viên đoàn kiểm tra và các nội dung khác theo quy định). Một đoàn kiểm tra có từ 5-6 người (trong đó gồm 01 trưởng đoàn là Phó Cục trưởng Cục KTNB; GQKN,TC&PCTN và 01 phó trưởng đoàn là trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng kiểm tra nội bộ).

Trưởng phòng hoặc Phó trưởng Phòng khác thuộc Cục KTNB; GQKN,TC & PCTN được chỉ định làm Phó trưởng đoàn kiểm tra để đảm bảo hoàn thành số cuộc kiểm tra được giao. Sau khi ký ban hành, quyết định kiểm tra chuyển cho cục thuế.

- Tổ chức họp phân công công việc giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Đoàn kiểm tra. Tuy nhiên, một số đoàn kiểm tra phân công nhiệm vụ cho từng thành viên đoàn kiểm tra chưa rõ ràng cụ thể, còn có hiện tượng phân công theo dạng hợp thức hoá hồ sơ, khi đi kiểm tra thực tế lại làm những công việc khác.

**Bảng 2.7. Số quyết định kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế đã ban hành giai đoạn 2019-2023**

*Đơn vị tính: quyết định*

STT	Nội dung	2019	2020	2021	2022	2023
1	Quyết định kiểm tra định kỳ theo kế hoạch	8	12	0	16	12
1.1	Số quyết định ban hành đúng hạn theo kế hoạch	6	11	0	13	12
1.2	Số quyết định ban hành chậm hạn theo kế hoạch	2	1	0	3	0
2	Quyết định kiểm tra đột xuất	1	0	0	2	0

*Nguồn: Tổng cục Thuế*

Bảng số liệu trên cho thấy, các năm 2019, 2020 và 2022 có số quyết định ban hành chậm hạn theo kế hoạch tương ứng là 2 quyết định, 1 quyết định và 3 quyết định một phần do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Tuy nhiên, năm 2023 tất cả các quyết định kiểm tra định kỳ theo kế hoạch đều được ban hành đúng thời hạn quy định.

#### *2.1.1.4. Tiến hành kiểm tra*

##### **- Công bố quyết định kiểm tra**

Khi công bố quyết định kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra của Tổng cục Thuế đã đọc toàn văn quyết định kiểm tra cho đại diện lãnh đạo cục thuế. Việc công bố quyết định kiểm tra được lập thành biên bản và được ký giữa Trưởng đoàn kiểm tra với Cục trưởng cục thuế được kiểm tra

##### **- Tiếp nhận thông tin**

Khi tiếp nhận thông tin do cơ quan thuế được kiểm tra cung cấp, Đoàn kiểm tra kiểm đếm, bảo quản, khai thác, sử dụng tài liệu đúng mục đích, không để thất lạc, khi giao nhận báo cáo, hồ sơ, tài liệu, đoàn kiểm tra lập biên bản giao nhận và khi giao trả cũng phải lập biên bản giao trả. Tuy nhiên, một số đoàn kiểm tra không lập các phiếu giao nhận hồ sơ đối với cục thuế đúng theo quy định của ngành Thuế.

##### **- Thực hiện kiểm tra**

Trên cơ sở các thông tin đã thu thập, đoàn kiểm tra nghiên cứu, phân tích, đánh giá tính xác thực, tính đúng đắn, tính hợp lý của các thông tin; kiểm tra, đối chiếu việc thực hiện của đơn vị so với chính sách, chế độ... và nhận diện vấn đề, sự việc, xác định những việc làm đúng, những vi phạm, làm rõ bản chất, nguyên nhân và trách nhiệm của tập thể, cá nhân đối với từng vi phạm đó. Kiểm tra theo các nội dung trong quyết định đã ban hành. Cụ thể như sau:

a. Kiểm tra việc thực hiện chỉ tiêu thu nợ, xử lý nợ thuế

**Bảng 2.8. Kết quả kiểm tra việc thực hiện chỉ tiêu thu nợ**

STT	Nội dung		ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
	Số cục thuế được kiểm tra		cục thuế	9	12	0	18	12
1	Số cục thuế không hoàn thành chỉ tiêu Tổng số tiền thuế nợ / Tổng số thu NSNN	Số lượng	cục thuế	3	4	-	3	3
		Tỷ lệ	%	33	33	-	16	25
2	Số cục thuế không hoàn thành chỉ tiêu Tổng số tiền thuế nợ có khả năng thu/Tổng số thu NSNN	Số lượng	cục thuế	4	3	-	4	4
		Tỷ lệ	%	44	25	-	22	33
3	Số cục thuế không hoàn thành chỉ tiêu Tổng số tiền thuế nợ có khả năng thu sẽ thu được trong năm kế hoạch/Tổng số tiền thuế nợ có khả năng thu	Số lượng	cục thuế	1	1	-	2	1
		Tỷ lệ	%	11	8	-	11	8

*Nguồn: Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN*

Qua bảng số liệu trên, tùy theo nội dung được kiểm tra có tỷ lệ phát hiện sai phạm tại các cục thuế khác nhau tuy nhiên tất cả các nội dung kiểm tra đều phát hiện sai phạm (đạt từ 16%-44% tùy từng chỉ tiêu). Nhìn chung các chỉ tiêu đều có xu hướng giảm dần từ năm 2019 đến năm 2022 và tăng dần lại trong năm 2023, tuy nhiên chỉ tiêu “Số cục thuế không hoàn thành chỉ tiêu Tổng số tiền thuế nợ có khả năng thu sẽ thu được trong năm kế hoạch/Tổng số tiền thuế nợ có khả năng thu” có hình thái ngược lại, tiếp tục giảm trong năm 2023. Bên cạnh đó, chỉ tiêu “Số cục thuế không hoàn thành chỉ tiêu Tổng số tiền thuế nợ có khả năng thu/Tổng số thu NSNN” phát hiện nhiều sai phạm nhất, ngược lại chỉ tiêu “Số cục thuế không hoàn thành chỉ tiêu Tổng số tiền thuế nợ có khả năng thu sẽ thu được trong năm kế hoạch/Tổng số tiền thuế nợ có khả năng thu” phát hiện ít sai phạm hơn các

chỉ tiêu còn lại. Trong đó, chỉ tiêu “Số cục thuế không hoàn thành chỉ tiêu Tổng số tiền thuế nợ có khả năng thu sẽ thu được trong năm kế hoạch/Tổng số tiền thuế nợ có khả năng thu” có tỷ lệ sai phạm thấp nhất (8%) của năm 2021 và 2023, chỉ tiêu “Số cục thuế không hoàn thành chỉ tiêu Tổng số tiền thuế nợ có khả năng thu/Tổng số thu NSNN” có tỷ lệ sai phạm cao nhất (44%) vào năm 2019. Bên cạnh đó, chỉ tiêu “Số cục thuế không hoàn thành chỉ tiêu Tổng số tiền thuế nợ /Tổng số thu NSNN” và chỉ tiêu “Số cục thuế không hoàn thành chỉ tiêu Tổng số tiền thuế nợ có khả năng thu/Tổng số thu NSNN” có tỷ lệ tương đương nhau (trung bình khoảng 20%-30%).

Ví dụ như năm 2019, tại Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên, tính đến ngày 31/12/2019, thu tiền thuế nợ của năm trước là 43.378 triệu đồng, đạt 21% số nợ năm trước phải thu (202.816 triệu đồng) là chưa đảm bảo chỉ tiêu được giao. Tiếp theo, năm 2022, tại Cục Thuế tỉnh Bình Dương, đến ngày 31/12/2022, thu tiền thuế nợ của năm trước là 75.450 triệu đồng, đạt 65% số nợ năm trước phải thu (115.405 triệu đồng) là chưa đảm bảo theo chỉ tiêu được giao; Năm 2023, tại Cục Thuế tỉnh Long An, tổng số tiền thuế nợ tại ngày 31/12/2023 bằng 8,62% tổng số thu thực thu năm 2022, chưa hoàn thành chỉ tiêu Tổng cục Thuế giao (tổng số tiền thuế nợ tối đa không vượt quá 8% tổng số thực thu vào NSNN). Cụ thể, (1) Thu các khoản nợ đến 90 ngày và trên 90 ngày (có khả năng thu) tại thời điểm 31/12/2023, đã thu được trong năm 2022, đạt 59,6%, chưa hoàn thành chỉ tiêu Tổng cục Thuế giao (thu trên 80% số nợ có khả năng thu tại ngày 31/12/2023); (2) Nhóm nợ chờ điều chỉnh tại thời điểm 31/12/2023 đã xử lý trong năm 2022 bằng 92% số nợ chờ điều chỉnh tại thời điểm 31/12/2023, chưa hoàn thành chỉ tiêu Tổng cục Thuế giao.

**Bảng 2.9. Kết quả kiểm tra việc xử lý tiền thuế nợ**

STT	Nội dung		ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
	Số cục thuế được kiểm tra		cục thuế	9	12	0	18	12
1	Số cục thuế có vi phạm trong việc xóa khoản nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp	Số lượng	cục thuế	2	4	-	3	3
		Tỷ lệ	%	22	33	-	16	25
2	Số cục thuế có vi phạm trong việc khoan tiền thuế nợ cho NNT	Số lượng	cục thuế	3	2	-	3	3
		Tỷ lệ	%	33	16	-	16	25
3	Số cục thuế có vi phạm trong việc gia hạn nộp thuế cho NNT	Số lượng	cục thuế	2	2	-	4	3
		Tỷ lệ	%	22	16	-	22	26
4		Số lượng	cục thuế	3	2	-	4	2

	Số cục thuế có vi phạm trong việc cho phép NNT nộp dần tiền thuế nợ	Tỷ lệ	%	33	16	-	22	16
5	Số cục thuế có vi phạm trong việc miễn tiền chậm nộp cho NNT	Số lượng	cục thuế	3	3	-	3	3
		Tỷ lệ	%	33	25	-	16	25
6	Số cục thuế có vi phạm trong việc không tính tiền chậm nộp cho NNT	Số lượng	cục thuế	4	3	-	2	3
		Tỷ lệ	%	44	25	-	11	25

*Nguồn: Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN*

Bảng số liệu cho thấy đa phần số lượng cục thuế phát hiện sai phạm ở mức độ tương đối (từ 16%-44%). Nhìn chung tỷ lệ sai phạm của các nội dung kiểm tra (việc khoan tiền thuế nợ cho NNT; việc cho phép NNT nộp dần tiền thuế nợ; việc miễn tiền chậm nộp cho NNT; việc không tính tiền chậm nộp cho NNT) đều có xu hướng giảm dần từ năm 2019 đến năm 2022 và tăng trở lại vào năm 2023. Ngược lại với xu hướng đã nêu, tỷ lệ sai phạm của nội dung kiểm tra việc xóa nợ tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp có xu hướng tăng lên từ năm 2019 đến năm 2020, sau đó giảm vào năm 2022 và tăng lại vào năm 2023. Trong đó, tỷ lệ sai phạm của nội dung kiểm tra việc không tính tiền chậm nộp cho NNT đồng thời đạt cao nhất (44% vào năm 2019) và thấp nhất (11% vào năm 2022). Tỷ lệ sai phạm của các nội dung kiểm tra còn lại đều tương đương nhau (trung bình từ 20%-30%).

Một số sai phạm chủ yếu như hồ sơ xoá khoản nợ chậm nộp không đủ thành phần hồ sơ; chậm chuyển thông tin cho đơn vị tuyên truyền trong cục thuế để công bố trên báo đài; Chậm nhập thông tin quyết định chấm dứt hiệu lực với việc khoan tiền thuế nợ lên hệ thống. Ví dụ như năm 2022, tại Cục Thuế tỉnh Hải Dương, có 03 trường hợp chậm nhập (thời gian từ 03-06 ngày). Tiếp đó, năm 2023 tại Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh, có 05 trường hợp chậm chuyển thông tin cho đơn vị tuyên truyền, truyền thông để đăng tải trên báo đài (thời gian chậm từ 10-15 ngày).

#### b. Kiểm tra việc thực hiện phân loại nợ thuế

Nhìn chung, bảng số liệu cho thấy tùy theo nội dung được kiểm tra có tỷ lệ phát hiện sai phạm tại các cục thuế khác nhau tuy nhiên tất cả các nội dung kiểm tra đều phát hiện sai phạm (từ 11%-33% tùy từng chỉ tiêu). Trong đó, tỷ lệ sai phạm của nội dung kiểm tra việc phân loại nợ đang xử lý có xu hướng giảm dần từ năm 2019 đến năm 2022 và tăng lên vào năm 2023. Tuy nhiên, tỷ lệ sai phạm của các nội dung kiểm tra (việc phân loại tiền thuế đang chờ điều chỉnh; việc phân loại nợ đã xử lý) thể hiện hình thái khác biệt, cụ thể tỷ lệ sai phạm của nội dung kiểm tra việc phân loại tiền thuế đang chờ điều chỉnh tăng lên trong

toàn bộ niên độ (từ 11% trong năm 2019 lên 25% trong năm 2023) và tỷ lệ sai phạm của nội dung kiểm tra việc phân loại nợ đã xử lý tăng lên sau đó giảm đi từng năm. Bên cạnh đó, tỷ lệ sai phạm của nội dung kiểm tra việc phân loại nợ khó thu và nội dung kiểm tra việc phân loại tiền thuế đang chờ điều chỉnh đạt thấp nhất (11%) và tỷ lệ sai phạm của nội dung kiểm tra việc phân loại nợ khó thu cao nhất (44%) vào năm 2019.

**Bảng 2.10. Kết quả kiểm tra việc phân loại tiền thuế nợ**

STT	Nội dung		ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
	Số cục thuế được kiểm tra		cục thuế	9	12	0	18	12
1	Số cục thuế có vi phạm trong việc phân loại nợ khó thu	Số lượng	cục thuế	4	3	0	2	3
		Tỷ lệ	(%)	44	25	0	11	25
2	Số cục thuế có vi phạm trong việc phân loại nợ đang xử lý	Số lượng	cục thuế	3	3	0	4	3
		Tỷ lệ	(%)	33	25	0	22	25
3	Số cục thuế có vi phạm trong việc phân loại tiền thuế đang chờ điều chỉnh	Số lượng	cục thuế	1	2	0	3	3
		Tỷ lệ	(%)	11	16	0	16	25
4	Số cục thuế có vi phạm trong việc phân loại nợ đã xử lý	Số lượng	cục thuế	2	4	0	3	4
		Tỷ lệ	(%)	22	33	0	16	33

*Nguồn: Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN*

Một số sai phạm chủ yếu như hồ sơ phân loại nợ chưa đầy đủ theo quy định (khoản nợ khó thu nhưng không có Quyết định của tòa án tuyên bố một người là mất năng lực hành vi dân sự hoặc Quyết định của tòa án tuyên bố một người là mất tích); Người nộp thuế đang hoạt động bình thường nhưng lại phân loại vào trường hợp nợ khó thu; Người nộp thuế đã bỏ trốn, không hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký, địa chỉ liên lạc nhưng không đưa vào nợ khó thu mà lại đưa vào nợ đang xử lý. Ví dụ như năm 2021, tại Cục Thuế thành phố Đà Nẵng, có 03 trường hợp liên quan đến tiền thuê đất (Công ty CP Bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec; Công ty CP Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng; Công ty TNHH Phát triển Giáo dục APU). Các công ty đang khiếu nại sở tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng do đó việc phân loại 03 Công ty này là chưa đúng. Năm 2022, tại Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng, có 02 trường hợp phân loại nợ chưa đúng theo quy định. Cụ thể, Công Ty TNHH

SX - TM Lộc Tân đã thông qua Quyết định giải thể Doanh nghiệp nhưng phân loại vào Nhóm tiền thuế nợ khó thu (Bỏ địa chỉ kinh doanh) và Công ty TNHH Tâm Châu đang hoạt động bình thường nhưng có khoản nợ đang phân loại vào Nhóm tiền thuế nợ khó thu (mất khả năng thanh toán). Năm 2023, tại Cục Thuế tỉnh Bắc Giang, có 01 hồ sơ Công ty Cổ phần Habada có số tiền nợ có khả năng thu 58.322.735.344 đồng của Công ty đã được đưa phân loại ở trạng thái nợ chờ điều chỉnh vào kỳ khóa sổ tháng 11/2021, đến tháng 3/2022 số tiền nợ chờ điều chỉnh trên lại được phân loại về nhóm nợ có khả năng thu.

c. Kiểm tra việc đôn đốc thu tiền thuế nợ

**Bảng 2.11. Kết quả kiểm tra việc đôn đốc thu tiền thuế nợ**

STT	Nội dung		ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
	Số cục thuế được kiểm tra		cục thuế	9	12	0	18	12
1	Số cục thuế có vi phạm trong việc đôn đốc thu tiền thuế nợ đối với NNT chỉ có khoản nợ từ 01 ngày đến 30 ngày (“Thực hiện đôn đốc bằng điện thoại hoặc gửi tin nhắn hoặc gửi thư điện tử cho NNT”)	Số lượng	cục thuế	3	2	-	4	3
		Tỷ lệ	%	33	16	-	22	25
2	Số cục thuế có vi phạm trong việc đôn đốc thu tiền thuế nợ đối với NNT có khoản nợ từ ngày thứ 31 trở lên (“Ban hành Thông báo tiền thuế nợ theo mẫu quy định trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế”)	Số lượng	cục thuế	2	3	-	2	2
		Tỷ lệ	%	22	25	-	11	16
3	Số cục thuế có vi phạm trong việc đôn đốc thu tiền thuế nợ đối với NNT có khoản tiền thuế nợ trên 90 ngày, cụ thể:							
3.1	Số cục thuế có vi phạm trong việc cưỡng chế NNT bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, yêu cầu phong tỏa tài khoản của NNT mở tại	Số lượng	cục thuế	3	3	-	1	2
		Tỷ lệ	%	33	25	-	5	16

STT	Nội dung	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023	
	KBNN, NHTM, TCTD khác							
3.2	Số cục thuế có vi phạm trong việc cưỡng chế NNT bằng biện pháp khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập	Số lượng	cục thuế	2	2	-	3	2
		Tỷ lệ	%	22	16	-	16	16
3.3	Số cục thuế có vi phạm trong việc cưỡng chế NNT bằng biện pháp đề nghị cơ quan hải quan cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu	Số lượng	cục thuế	4	3	-	3	2
		Tỷ lệ	%	44	25	-	16	16
3.4	Số cục thuế có vi phạm trong việc cưỡng chế NNT bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn	Số lượng	cục thuế	2	3	-	4	2
		Tỷ lệ	%	22	25	-	22	16
3.5	Số cục thuế có vi phạm trong việc cưỡng chế NNT bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên	Số lượng	cục thuế	3	2	-	2	4
		Tỷ lệ	%	33	16	-	11	33
3.6	Số cục thuế có vi phạm trong việc cưỡng chế NNT bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của nnt bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác đang giữ	Số lượng	cục thuế	3	3	-	4	2
		Tỷ lệ	%	33	25	-	22	16
3.7	Số cục thuế có vi phạm trong việc cưỡng chế NNT bằng biện pháp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số lượng	cục thuế	3	2	-	3	4
		Tỷ lệ	%	33	16	-	16	33

Nguồn: Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN

Nhìn chung, bảng số liệu cho thấy tùy theo nội dung được kiểm tra có tỷ lệ phát hiện sai phạm tại các cục thuế khác nhau tuy nhiên tất cả các nội dung kiểm tra đều phát hiện sai phạm (từ 5%-44% tùy từng chỉ tiêu). Trong đó, tỷ lệ sai phạm của nội dung kiểm tra việc



cưỡng chế NNT bằng biện pháp đề nghị cơ quan hải quan cưỡng chế bằng biện pháp dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu cao nhất (44%), sau đó có xu hướng giảm dần trong các năm còn lại (25% trong năm 2020, và 16% trong các năm 2022 và 2023). Ngược lại, tỷ lệ sai phạm của nội dung kiểm tra việc cưỡng chế NNT bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, yêu cầu phong tỏa tài khoản của NNT mở tại kho bạc nhà nước, ngân hàng thương mại hoặc các tổ chức tín dụng khác lại thấp nhất (5% trong năm 2022), tỷ lệ này có xu hướng giảm dần trong các năm 2019, 2020 và tăng lên trong năm 2023. Bên cạnh đó, tỷ lệ sai phạm của nội dung kiểm tra còn lại tương đương nhau (trung bình từ 20%-30%).

Một số sai phạm chủ yếu phát hiện như không thực hiện hoặc chậm đôn đốc bằng điện thoại hoặc gửi tin nhắn hoặc gửi thư điện tử cho NNT; Không ban hành hoặc chậm ban hành Thông báo tiền thuế nợ theo mẫu quy định trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế; Không chủ động kiểm soát đối với NNT đang bị áp dụng biện pháp cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn dẫn đến để NNT xuất nhiều hoá đơn trong thời gian bị cưỡng chế. Ví dụ như vào năm 2021, tại Cục Thuế tỉnh Bình Dương có 05 NNT (Công ty TNHH Tri Thức Việt; Công ty CP Chăn nuôi gia cầm Vietswan; Công ty CP Tổ chức nhà quốc gia Bình Dương; Công ty CP Đầu tư Nguyễn Khoa; Công ty CP Trần Đức) chưa thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế khi NNT có tiền thuế nợ quá 90 ngày đã hết thời hạn nộp theo quy định. Năm 2022, tại Cục Thuế tỉnh Lâm Đồng, có 01 NNT (Công ty TNHH Tốt I) có Quyết định CCNT bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng và Thông báo về việc ngừng sử dụng hóa đơn ghi nhận số hóa đơn tồn không đúng với hóa đơn tồn thực tế của NNT. Trong thời gian bị cưỡng chế hóa đơn, Công ty đã sử dụng 10 số hóa đơn. Cục Thuế đã ban hành Quyết định xử phạt tuy nhiên không có tình tiết tăng nặng, không đôn đốc NNT thu hồi các hóa đơn đã sử dụng, kê khai điều chỉnh giảm doanh thu, thuế GTGT có liên quan. Năm 2022, tại Cục Thuế tỉnh Hải Dương, có 01 NNT (Công ty cổ phần Trung Thành) không nộp đủ số tiền thuế phải nộp theo tỷ lệ 18% doanh thu trên hóa đơn được sử dụng vào NSNN theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế, tuy nhiên cơ quan Thuế vẫn chấp thuận cho NNT sử dụng hóa đơn lẻ cho lần đề nghị tiếp theo, thực hiện chưa đúng theo hướng dẫn Tổng cục Thuế. Năm 2023, tại Cục Thuế tỉnh Long An, có 04 trường hợp chậm thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ tiếp theo (01 hồ sơ chậm 61 ngày, 01 hồ sơ chậm 21 ngày, 01 hồ sơ chậm 15 ngày, 01 hồ sơ chậm 08 ngày). Năm 2023, tại Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh, có 40 hồ sơ cục thuế ban hành Quyết định về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn chưa kịp thời ngay sau khi hết thời hiệu của Quyết định cưỡng chế thi hành quyết

định hành chính về quản lý thuế bằng biện pháp trích tiền tài khoản/yêu cầu phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng. Tuy nhiên, khi tiến hành kiểm tra, nội dung kiểm tra thường đi sâu vào việc kiểm tra việc đôn đốc nợ thuế bằng biện pháp cưỡng chế hoá đơn. Các nội dung khác như cưỡng chế bằng hình thức phong tỏa tài khoản chưa được quan tâm, xem xét đúng mức.

d. Kiểm tra việc thực hiện công khai thông tin người nộp thuế nợ tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước

**Bảng 2.12. Kết quả kiểm tra việc công khai thông tin người nộp thuế nợ tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước**

STT	Nội dung		ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
1	Số cục thuế được kiểm tra		cục thuế	9	12	0	18	12
2	Số cục thuế có vi phạm trong việc công khai thông tin người nộp thuế nợ tiền thuế và các khoản thu khác thuộc NSNN	Số lượng	cục thuế	3	4	0	2	5
		Tỷ lệ	%	33	33	0	11	42

*Nguồn: Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN*

Bảng số liệu cho thấy tùy từng năm có tỷ lệ phát hiện sai phạm khác nhau nhưng tất cả các năm kiểm tra đều phát hiện sai phạm (từ 11%-42%). Trong đó, năm 2023 có tỷ lệ phát hiện sai phạm cao nhất và năm 2022 có tỷ lệ phát hiện sai phạm thấp nhất. Bên cạnh đó, các năm 2019 và 2020 cùng có tỷ lệ sai phạm (33%).

Một số sai phạm chủ yếu như không công khai thông tin NNT nợ tiền thuế hàng tháng; Mẫu biểu công khai thông tin thiếu một số nội dung theo quy định như (thiếu địa chỉ, sai số tiền thuế nợ). Cụ thể năm 2021, tại Cục Thuế tỉnh Bình Dương chưa thực hiện công khai định kỳ hàng tháng các trường hợp NNT nợ thuế và đang áp dụng các biện pháp cưỡng chế trên các phương tiện thông tin đại chúng. Năm 2022 tại Cục Thuế tỉnh Long An có 21 người nộp thuế có số tiền nợ thuế trên ngưỡng nợ thuế mà Cục Thuế đã công khai nhưng chưa được công khai thông tin lên phương tiện thông tin đại chúng. Năm 2023, tại Cục Thuế tỉnh Hà Nam thực hiện công khai thông tin chưa đầy đủ các trường hợp nợ thuế theo

quy định do Cục Thuế chậm rà soát các trường hợp công khai theo quy trình, không gây hậu quả về thuế.

e. Kiểm tra việc báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý nợ; việc lưu trữ tài liệu, dữ liệu về quản lý nợ

**Bảng 2.13. Kết quả kiểm tra việc báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý nợ; việc lưu trữ tài liệu, dữ liệu về quản lý nợ**

STT	Nội dung		ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
1	Số cục thuế được kiểm tra		cục thuế	9	12	0	18	12
2	Số cục thuế có vi phạm trong việc báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý nợ; việc lưu trữ tài liệu, dữ liệu về quản lý nợ	Số lượng	cục thuế	2	2	0	4	3
		Tỷ lệ	%	22	16	0	22	25

*Nguồn: Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN*

Bảng số liệu cho thấy trong giai đoạn từ năm 2019 – 2023, tỷ lệ số cục thuế có vi phạm trong việc báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý nợ và trong việc lưu trữ tài liệu, dữ liệu về quản lý nợ từ 16%-25%. Trong đó, năm 2021 có tỷ lệ thấp nhất (16% tương ứng 2/12 cục thuế), năm 2019 và 2022 có cùng tỷ lệ 22% và năm 2023 đạt tỷ lệ cao nhất (25% tương ứng 3/12 cục thuế).

Sai phạm chủ yếu phát hiện như không lập đủ báo cáo, phụ lục theo quy định; Gửi báo cáo hằng tháng chậm theo quy định; Báo cáo tháng 12 hàng năm chỉ gửi qua thư điện tử mà không gửi bằng văn bản lên cơ quan Tổng cục Thuế. Năm 2022 tại Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh, cục thuế chưa báo cáo các tháng 3, 6, 7, 8 đến cơ quan Tổng cục Thuế các biểu mẫu, phụ lục về nợ thuế theo quy định của Tổng cục. Năm 2023, tại Cục Thuế tỉnh Hải Dương thực hiện gửi báo cáo hằng tháng đến cơ quan Tổng cục Thuế chậm từ 15 đến 28 ngày theo quy định (trong đó báo cáo tháng 8 chậm 28 ngày, báo cáo tháng 4 chậm 20 ngày).

### **Hộp 2.3. Kết quả phỏng vấn sâu về nội dung kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế**

- Đại diện Cục Thuế thành phố Hà Nội: Nội dung kiểm tra đã đảm bảo được yêu cầu về chuyên môn, đã khái quát được các nội dung theo quy trình quản lý nợ thuế và luật quản lý thuế hiện hành.

- Đại diện Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh: Nội dung kiểm tra của Tổng cục Thuế về đã đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về nội dung. Tuy nhiên, cần kiểm tra sâu hơn đối với việc phân loại nợ của các cục thuế. Điển hình với các cục thuế lớn như Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh, Cục Thuế TP. Hà Nội có số tiền nợ thuế lớn, cần kiểm tra sâu hơn và có phương pháp cải tiến về công nghệ thông tin để giúp đỡ việc quản lý của các công chức quản lý nợ thuế.

- Đại diện Cục Thuế thành phố Hải Phòng: Mức độ phát hiện gian lận qua công tác kiểm tra tại cục thuế còn chưa toàn diện, chưa phát hiện được nhiều nội dung mới.

- Đại diện Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc: Nhiều nội dung trước khi tiến hành kiểm tra tại một số cục thuế, chưa dựa trên kỹ thuật phân tích rủi ro để giảm thiểu khối lượng công việc khi kiểm tra nên giảm hiệu quả và lãng phí nguồn nhân lực.

*Nguồn: Kết quả phỏng vấn sâu của tác giả*

- Lập biên bản chi tiết xác nhận với đơn vị, bộ phận được kiểm tra

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, thành viên Đoàn kiểm tra ký văn bản xác nhận kết quả kiểm tra với đơn vị, bộ phận đó. Tuy nhiên, một số đoàn kiểm tra lập biên bản chi tiết, biên bản tổng hợp trong cuộc kiểm tra chưa chuẩn xác và chặt chẽ, câu từ trong biên bản kiểm tra đôi khi thiếu chặt chẽ, không mạch lạc làm cho người đọc khó hiểu.

- Kết thúc việc kiểm tra, ký biên bản tổng hợp.

+ Trưởng đoàn thông báo kết thúc kiểm tra gửi cục thuế được kiểm tra trước 01 ngày làm việc trước khi kết thúc thời hạn kiểm tra. Tuy nhiên, một số cuộc còn bị kéo dài phải sử dụng hết 45 ngày làm việc do thời gian thu thập tài liệu, hồ sơ của cục thuế đôi khi còn chậm, các nội dung kiểm tra còn phức tạp.

+ Trưởng đoàn tổng hợp ý kiến của đoàn viên đối với dự thảo biên bản và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

+ Các bên thực hiện ký và đóng dấu vào biên bản tổng hợp theo quy định. Tuy nhiên, các đoàn kiểm tra chưa kiến nghị với lãnh đạo Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN

thành lập tổ chuyên môn nghiên cứu, phân tích và thảo luận về các nội dung kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

#### 2.1.1.5. Kết thúc kiểm tra

##### - Báo cáo kết quả kiểm tra

Trưởng đoàn kiểm tra lập báo cáo kết quả kiểm tra và dự thảo kết luận kiểm tra gửi Cục trưởng Cục KTNB; GQKN, TC&PCTN cho ý kiến và trình Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế phụ trách (người ban hành quyết định kiểm tra) trong thời hạn 15 ngày từ ngày ký biên bản tổng hợp kết quả kiểm tra.

Việc trình xin ý kiến Cục trưởng Cục KTNB; GQKN, TC&PCTN là người giám sát đảm bảo lấy được ý kiến của các cấp, giảm thiểu những rủi ro tiềm tàng. Tuy nhiên, một số báo cáo kết quả kiểm tra lập còn chưa thật sự chi tiết. Một số báo cáo còn chưa chỉ dẫn đúng căn cứ pháp lý, dùng từ chung chung.

##### - Ban hành kết luận kiểm tra

+ Trong 15 ngày sau khi đoàn kiểm tra báo cáo, Lãnh đạo Tổng cục ký ban hành kết luận. Tuy nhiên, thời gian ký một số và công bố một số kết luận của một số đoàn kiểm tra còn kéo dài nhưng chưa có báo cáo vướng mắc. Công tác đôn đốc thực hiện kết luận kiểm tra một số trường hợp chưa tốt, trong 05 năm vẫn có cục thuế mất nhiều thời gian để điều chỉnh, thực hiện lại cho đúng theo kiến nghị tại kết luận kiểm tra của Tổng cục Thuế.

##### - Nhập dữ liệu vào ứng dụng kiểm tra nội bộ ngành thuế

Trưởng đoàn kiểm tra phân công thành viên trong Đoàn kiểm tra nhập dữ liệu đúng tiến độ theo từng bước phát sinh của cuộc kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính kịp thời, đầy đủ, chính xác về tình hình và số liệu cuộc kiểm tra nhập vào hệ thống ứng dụng KTNB. Tuy nhiên, các đoàn kiểm tra khi nhập còn mang tính hình thức, còn sơ sài.

**Bảng 2.14. Số liệu về kết luận kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế giai đoạn 2019-2023**

STT	Nội dung	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
1	Số cục thuế được kiểm tra	cục thuế	9	12	0	18	12
2	Số kết luận kiểm tra đã ban hành	kết luận	9	12	0	18	12

	Số kết luận kiểm tra ban hành chậm muộn	kết luận	0	0	0	2	1
3	Số cục thuế bị đánh giá chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật	cục thuế	9	12	0	18	12
4	Số cục thuế thực hiện nghiêm túc kết luận kiểm tra	cục thuế	8	10	0	16	11

*Nguồn: Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN*

Nhìn chung, bảng số liệu cho thấy hàng năm Tổng cục Thuế đều hoàn thành 100% kế hoạch, tuy nhiên vẫn có các năm có kết luận kiểm tra ban hành muộn (năm 2022 có 2/18 kết luận và năm 2023 có 1/12 kết luận). Bên cạnh đó, tỷ lệ số cục thuế bị đánh giá chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế là 100% đồng nghĩa với việc tất cả các cục thuế được kiểm tra đều có vi phạm (nguyên nhân chủ yếu do khối lượng công việc lớn và phức tạp trong khi nhân lực và trình độ làm công tác quản lý nợ thuế có hạn).

Tuy nhiên, các cục thuế đều thể hiện tốt trong việc thực hiện kết luận một cách nghiêm túc qua số cục thuế thực hiện đầy đủ các kiến nghị trong kết luận của Tổng cục Thuế. Năm 2019 là 8/9 cục thuế, năm 2021 là 10/12 cục thuế, năm 2022 là 16/18 cục thuế và năm 2023 là 11/12 cục thuế.

#### **Hộp 2.4. Kết quả phỏng vấn sâu về quy trình kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế**

- *Đại diện Cục Thuế thành phố Hà Nội:* Trưởng đoàn đã thông tin về giờ, các vấn đề sẽ kiểm tra nên cục thuế chủ động trong việc chuẩn bị hồ sơ, tài liệu cũng như con người để phục vụ công tác kiểm tra của Đoàn kiểm tra.

- *Đại diện Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh:* Quy trình kiểm tra của Tổng cục Thuế về đã bao quát được các công việc cơ bản. Tuy nhiên, cần rút ngắn thời hạn báo cáo kết quả kiểm tra, thời hạn để ra kết luận kiểm tra nhằm giảm việc kéo dài về thời gian mỗi cuộc kiểm tra.

- *Đại diện Cục Thuế thành phố Hải Phòng:* Phương pháp đánh giá rủi ro rà soát hồ sơ, lập kế hoạch kiểm tra chưa đầy đủ. Việc áp dụng kỹ thuật đánh giá rủi ro tiềm tàng cũng chưa được thực hiện đồng bộ và nhất quán, cán bộ kiểm tra chủ yếu thực hiện kỹ thuật đánh giá rủi ro và kỹ thuật phân tích dựa vào kinh nghiệm.

- Đại diện Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc: Thời gian ký kết luận và công bố kết luận của một số đoàn kiểm tra còn kéo dài nhưng chưa có báo cáo vướng mắc.

Nguồn: Kết quả phỏng vấn sâu của tác giả

### 2.3. Đánh giá chung về kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế

#### 2.3.1. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu kiểm tra

Để thực hiện tốt công tác kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế, Cục KTNB, GQKN, TC & PCTN đã có nhiều biện pháp thường xuyên quán triệt cho cán bộ thể hiện được vai trò trách nhiệm, nâng cao nhận thức về ý thức kỷ luật, chuyên môn, nghiệp vụ công tác kiểm tra. Các cán bộ công chức thuế làm công tác kiểm tra đã thể hiện tốt tinh thần trách nhiệm; có phẩm chất đạo đức, tác phong nghiêm túc. Do đó, có thể nói những bước đầu trong kết quả của công tác kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế rất đáng ghi nhận. Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Cục KTNB, GQKN, TC & PCTN, cũng như lãnh đạo Tổng cục thường xuyên bám sát các đoàn kiểm tra dưới nhiều hình thức, nhiều kênh thông tin khác nhau để kịp thời nắm bắt, uốn nắn, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm của cán bộ thuế khi thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Do đó có thể thấy giai đoạn 2019 - 2023, công tác kiểm tra tại Cục KTNB, GQKN, TC & PCTN đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế đã được những kết quả tốt.

**Bảng 2.15. Số liệu về việc thực hiện mục tiêu kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế giai đoạn 2019-2023**

STT	Nội dung	ĐVT	2019	2020	2021	2022	2023
1	Số cục thuế dự định kiểm tra	cục thuế	8	12	12	16	12
2	Số cục thuế thực tế đã kiểm tra	cục thuế	9	12	0	18	12
3	Số cục thuế thực tế đã kiểm tra/Số cục thuế dự định kiểm tra	%	112	100	0	112	100
4	Số cục thuế thực tế đã kiểm tra/Tổng số cục thuế	%	14	19	0	28	19
5	Số cục thuế bị đánh giá là chưa tuân thủ đầy đủ các quy định về quản lý nợ thuế	cục thuế	9	12	-	18	12

6	Số cục thuế bị đánh giá là chưa tuân thủ đầy đủ các quy định về quản lý nợ thuế/Số cục thuế đã kiểm tra	%	100	100	-	100	100
7	Số lượng sáng kiến đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền để hoàn thiện quy định pháp luật	cục thuế	4	5	0	6	5

*Nguồn: Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN*

Bảng số liệu cho thấy hàng năm Tổng cục Thuế đều hoàn thành kế hoạch đặt ra (tỷ lệ hoàn thành kế hoạch từ 100% – 112%) thể hiện sự nỗ lực của Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN và sự cố gắng để hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao của các cán bộ, công chức.

Tỷ lệ số cục thuế thực tế đã kiểm tra/Tổng số cục thuế chưa đạt cao (từ 14% đến 28%) xuất phát từ việc Tổng cục Thuế quản lý 63 cục thuế các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương trong khi các cục thuế chỉ phải quản lý số lượng chi cục thuế ít hơn rất nhiều (trung bình mỗi địa phương có từ 3-8 chi cục thuế).

Tỷ lệ số cục thuế bị đánh giá là chưa tuân thủ đầy đủ các quy định về quản lý nợ thuế đều đạt 100% qua các năm (tất cả các cục thuế được kiểm tra đều có sai phạm), tuy nhiên từ việc phát hiện các vi phạm của các cục thuế, các đoàn kiểm tra đã tham mưu nhiều sáng kiến để hoàn thiện hơn nữa việc quản lý nợ thuế tại các cục thuế. Số sáng kiến tham mưu với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hoàn thiện các quy định của pháp luật về thuế, quản lý nợ thuế các năm là 04 sáng kiến trong năm 2019, 05 sáng kiến trong năm 2021, 06 sáng kiến trong năm 2022 và 05 sáng kiến trong năm 2023. Một số sáng kiến có thể kể đến như giải pháp xây dựng chỉ tiêu thu nợ những tháng cuối năm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; Thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền và triển khai thực hiện công tác quản lý nợ thuế; Tăng cường quản lý thu nợ thuế đối với hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản; Xây dựng công cụ hỗ trợ và rà soát người nộp thuế có nợ đọng lớn và kéo dài; Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giám sát trong công tác quản lý nợ thuế của Tổng cục Thuế.

### **2.3.2. Ưu điểm**

- Về bộ máy kiểm tra: Vụ Kiểm tra nội bộ được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt chuyển đổi mô hình tổ chức thành Cục KTNB; GQKN,TC&PCTN; Giải quyết Khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng từ tháng 11 năm 2021 đã giúp cho bộ máy kiểm tra hoàn thiện nhân sự lãnh đạo cấp Phòng, cấp Cục và cũng được tăng cường thêm nhiều công chức có kinh nghiệm để làm công tác kiểm tra nội bộ ngành Thuế, cán bộ



được tăng cường điều động bổ sung đều là những cán bộ thuế có kinh nghiệm và chuyên môn cao về nghiệp vụ thuế.

- *Về nội dung kiểm tra:* Nội dung kiểm tra toàn diện, chi tiết đi sâu vào bản chất, đã thực hiện đầy đủ các nội dung kiểm tra, từ việc kiểm tra việc thực hiện chỉ tiêu thu nợ, xử lý nợ và tiền thuế nợ; Kiểm tra việc phân loại nợ thuế; Kiểm tra việc thực hiện đơn đốc thu nộp nợ thuế; Kiểm tra việc thực hiện công khai thông tin DN nợ thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng... Các nội dung kiểm tra được thực hiện lồng ghép, kết hợp với nhau để tạo thuận lợi cho các cục thuế.

- *Về hình thức kiểm tra:* thông qua hình thức kiểm tra theo kế hoạch hàng năm và kiểm tra đột xuất đã đảm bảo được công tác kiểm tra các cục thuế có rủi ro và kịp thời kiểm tra được các cục thuế có phản ánh, tố cáo tiêu cực trong việc quản lý nợ thuế.

- *Về quy trình kiểm tra:* Quy trình kiểm tra nhìn chung đã bao quát được từng bước để thực hiện tốt công tác kiểm tra, phát hiện và kịp thời chấn chỉnh các sai phạm trong việc quản lý nợ thuế tại các cục thuế. Ngoài ra, quy trình đã có quy định rõ ràng từng bước công việc gắn với trách nhiệm của từng bộ phận, từng cá nhân tham gia quy trình đã tạo nên sự chuyên môn hóa trong công việc và phù hợp với trình độ của từng cán bộ.

+ *Chuẩn bị kiểm tra:* Việc xây dựng kế hoạch kiểm tra đã thực hiện theo đúng quy trình quy định. Đồng thời, việc đánh giá phân tích thông tin cục thuế mang tính chuyên sâu đã nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra. Việc phân tích, đánh giá, lựa chọn các cục thuế có rủi ro về thuế để lập kế hoạch kiểm tra được tiến hành dựa trên các tiêu chí rủi ro theo quy định, đảm bảo toàn diện và không bỏ sót các trường hợp rủi ro.

+ *Tiến hành kiểm tra:* Trong quá trình kiểm tra tại các cục thuế, đã thực hiện theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; các bước công việc thực hiện theo quy trình nghiệp vụ. Không kéo dài thời gian kiểm tra, không làm ảnh hưởng đến hoạt động, công việc của cục thuế. Việc công bố quyết định kiểm tra, phân công công việc cho các thành viên đoàn về cơ bản đã tuân thủ các bước theo quy định. Nội dung kiểm tra của Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN đối với các cục thuế không vượt quá thẩm quyền.

+ *Kết thúc kiểm tra:* Việc nghiêm túc thực hiện việc báo cáo và tham mưu ban hành kết luận kiểm tra kịp thời đã góp phần răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm. Thực hiện gói gọn giai đoạn kết thúc kiểm tra để kịp thời triển khai các cuộc kiểm tra tiếp theo. Việc lập báo cáo kết quả kiểm tra, ký kết luận kiểm tra và nhập dữ liệu lên hệ thống được lập đúng hạn đảm bảo quy định của quy trình, góp phần xử lý các vi phạm về nợ thuế.

### 2.3.3. Hạn chế

Kết quả kiểm tra giai đoạn năm 2019-2023 của Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ, trong đó công tác kiểm tra nói chung cũng như công tác kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế đóng góp không nhỏ trong thành tích đó. Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả đã đạt được, cũng cần phải kể đến một số những hạn chế cần khắc phục:

- *Về bộ máy kiểm tra:* Tổ chức bộ máy kiểm tra nội bộ chưa tương xứng với khối lượng công việc và vai trò kiểm tra, lực lượng cán bộ chuyên trách thực hiện công tác kiểm tra nội bộ các năm chiếm phần trăm rất nhỏ trong tổng số cán bộ, công chức của Tổng cục Thuế. Nhân sự Phòng Kiểm tra nội bộ của Cục KTNB; GQKN, TC&PCTN là 18 người, chưa đủ để đảm bảo hoàn thành kế hoạch trong trường hợp tăng thêm số lượng cuộc kiểm tra. Nhân sự tại Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN là nữ chiếm gần 50% quân số cũng là một hạn chế do tính chất đặc thù công việc phải đi công tác xa nhà và dài ngày là một khó khăn.

Kiến thức vững nên việc phân tích thông tin để phục vụ kiểm tra tại một số cục thuế chưa sâu, chưa phát hiện được bất hợp lý giữa số liệu trên các báo cáo của đơn vị. Cán bộ vẫn còn yếu về kỹ năng kiểm tra, kiến thức chuyên môn còn hạn chế dẫn tới khó khăn khi làm việc với những cán bộ có kinh nghiệm làm việc lâu năm tại các cục thuế lớn. Ngoài ra, các hành vi vụ lợi cá nhân, lợi dụng kiểm tra để gây phiền hà với cục thuế vẫn còn, chưa được phát hiện kịp thời và xử lý triệt để.

- *Về nội dung kiểm tra:* Nhiều nội dung trước khi tiến hành kiểm tra tại một số cục thuế, chưa dựa trên kỹ thuật phân tích rủi ro để giảm thiểu khối lượng công việc khi kiểm tra nên giảm hiệu quả và lãng phí nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, Mức độ phát hiện gian lận qua công tác kiểm tra tại cục thuế còn chưa toàn diện, chưa phát hiện được nhiều nội dung mới. Một số đoàn kiểm tra vẫn đi theo lối mòn, tập trung vào nội dung kiểm tra việc đôn đốc nợ thuế bằng biện pháp cưỡng chế hoá đơn. Các nội dung khác như cưỡng chế bằng hình thức phong toả tài khoản chưa được quan tâm, xem xét đúng mức.

- *Về hình thức kiểm tra:* việc kiểm tra theo hình thức kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên đề còn ít dẫn đến nhiều phản ánh, kiến nghị chưa được giải quyết triệt để và chưa phát huy được tối đa hiệu quả cho công tác kiểm tra.

- *Về quy trình kiểm tra:*

+ *Chuẩn bị kiểm tra:* Việc ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro vào công tác lập kế hoạch kiểm tra cũng như trong công tác kiểm tra chưa thực sự hiệu quả. Công tác lập kế

hoạch kiểm tra nội bộ mặc dù có ứng dụng kỹ thuật quản lý rủi ro nhưng phần lớn vẫn còn cảm tính và dựa trên kinh nghiệm của người làm kế hoạch do nhiều tiêu chí phân tích rủi ro theo quy định đã không còn phù hợp với thực tế. Ngoài ra, kế hoạch kiểm tra còn trùng lặp kế hoạch kiểm tra của Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước. Hơn nữa, việc phân tích hồ sơ trước khi ban hành quyết định kiểm tra của các đoàn kiểm tra chưa sâu, chưa thực sự rút ra các vấn đề trọng tâm để đưa vào đề cương kiểm tra, chưa đánh giá được rủi ro trọng yếu dẫn đến còn có các quyết định kiểm tra có kết quả xử lý chưa chi tiết.

Vẫn còn trường hợp việc phân công lấy dữ liệu trước khi kiểm tra được thực hiện bởi một số công chức, tuy nhiên sau đó đoàn viên chính thực lại được thay đổi và phải thực hiện lấy lại dữ liệu do tiêu chí, quan điểm của lãnh đạo đoàn kiểm tra khác nhau dẫn đến lãng phí thời gian và công sức. Ngoài ra, việc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên đoàn kiểm tra chưa rõ ràng cụ thể với một số đoàn, còn có hiện tượng phân công cho có, đến khi đi kiểm tra thực tế lại làm những công việc khác.

+ *Tiến hành kiểm tra*: Việc lập biên bản chi tiết, biên bản tổng hợp trong cuộc kiểm tra chưa chuẩn xác và chặt chẽ, câu từ trong biên bản kiểm tra đôi khi thiếu chặt chẽ, không mạch lạc làm cho người đọc khó hiểu. Một số cuộc còn bị kéo dài phải sử dụng hết thời gian tối đa của một cuộc kiểm tra (45 ngày làm việc) do thời gian thu thập tài liệu, hồ sơ của cục thuế đôi khi còn chậm, các nội dung kiểm tra còn phức tạp và cần thời gian rà soát lâu.

+ *Kết thúc kiểm tra*: Vẫn còn trường hợp ban hành kết luận muộn, dẫn đến cuộc kiểm tra bị kéo dài thời gian so với quy định nhưng chưa có báo cáo vướng mắc. Công tác đôn đốc thực hiện kết luận kiểm tra một số trường hợp chưa tốt, kết quả đôn đốc kiến nghị của đoàn kiểm tra cho thấy, vẫn có cục thuế mất nhiều thời gian để điều chỉnh, thực hiện lại cho đúng theo kiến nghị tại kết luận kiểm tra của Tổng cục Thuế. Ngoài ra, việc nhập dữ liệu là bắt buộc nhưng một số đoàn kiểm tra còn mang tính hình thức, không nhập chi tiết các nội dung kiểm tra và các thông tin còn sơ sài dễ gây khó khăn cho việc đánh giá rủi ro các năm sau.

#### **2.3.4. Nguyên nhân của hạn chế**

##### **2.3.4.1. Nguyên nhân thuộc về Tổng cục Thuế**

*Thứ nhất, hệ thống cơ sở dữ liệu của Tổng cục Thuế vẫn còn hạn chế.*

Hệ thống cơ sở dữ liệu về các cục thuế chưa được cập nhật, nâng cấp đầy đủ để phục vụ công tác kiểm tra. Dữ liệu thiếu và không kịp thời; chậm thay đổi thông tin dữ liệu thường xuyên.

*Thứ hai, chưa tối ưu hoá sự hỗ trợ của hệ thống công nghệ thông tin vào công tác kiểm tra*

Tổng cục Thuế đã ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kiểm tra với các cục thuế. Tuy nhiên, nhiều nội dung đã cũ và chưa bắt kịp với xu thế phát triển của các cục thuế. Do đó, cần thiết số hoá các định mức, tiêu chí theo quy định hiện hành để giảm tải công việc thủ công.

#### *2.3.4.2. Nguyên nhân thuộc về môi trường bên ngoài Tổng cục Thuế*

*Thứ nhất, các quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế nói chung cũng như quy định về quản lý nợ thuế, kiểm tra việc quản lý nợ thuế nói riêng còn phức tạp.*

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quản lý nợ thuế còn phức tạp, khó kết nối các nội dung sửa đổi và việc ký kết tham gia nhiều hiệp ước quốc tế khiến hệ thống pháp luật thuế phải thay đổi theo (như quy định về thuế tối thiểu toàn cầu) đã phần nào khiến cơ quan quản lý thuế gặp khó khăn triển khai và thực hiện. Ngoài ra, luật quản lý thuế và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chưa quy định cụ thể khái niệm, chức năng của hoạt động kiểm tra nội bộ của Tổng cục Thuế, việc kiểm tra nội bộ dựa trên các quy trình, quy chế nội ngành của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành. Do đó, các chức năng, quyền hạn của bộ phận kiểm tra nội bộ vẫn còn bị chi phối, giới hạn.

*Thứ hai, năng lực và ý thức tôn trọng pháp luật của các cục thuế còn hạn chế.*

Việc các lãnh đạo cục thuế thường không phải là người từng làm tại bộ phận quản lý nợ thuế và các cán bộ quản lý nợ thuế sau một vài năm phải chuyển đi sang bộ phận khác theo cơ chế luân chuyển vị trí việc làm của Bộ Tài chính đã tạo ra khó khăn nhất định đối với công tác quản lý nợ thuế của cục thuế. Bên cạnh đó, ý thức tuân thủ pháp luật của một số bộ phận cục thuế chưa cao; một bộ phận cán bộ thuế làm công tác quản lý nợ có ý thức tuân thủ pháp luật chưa tốt, chưa đảm bảo thực hiện một số nội dung trong quy trình quản lý nợ thuế một cách cẩn thận nhất. Dẫn đến xảy ra nhiều sai phạm, khiến cho công tác kiểm tra nội bộ của Tổng cục Thuế gặp nhiều khó khăn.

*Thứ ba, sự phối hợp của một số cơ quan hữu quan chưa đạt hiệu quả.*

Sự phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước khác và tổ chức có liên quan chưa tốt nên chưa tạo ra những điều kiện tốt nhất cho công tác kiểm tra. Cụ thể, việc đoàn kiểm tra yêu cầu các ngân hàng thương mại cung cấp thông tin của người nộp thuế (số tài khoản, số dư tài khoản, sao kê giao dịch tài khoản,...) còn gặp nhiều khó khăn do các ngân hàng thương mại mất nhiều thời gian để trả lời, dẫn đến việc nắm bắt thông tin, kiểm tra việc cưỡng chế, thu hồi nợ thuế của cục thuế với NNT chưa đạt được hiệu quả.

*Thư tư, về chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, công chức thuế.*

Tiền lương và thu nhập của cán bộ thuế nói chung cũng như cán bộ kiểm tra nói riêng chưa đảm bảo cuộc sống: trong khi môi trường kiểm tra đầy cám dỗ mà người thực thì nó chưa được đảm bảo cuộc sống từ tiền lương và thu nhập chính đáng của NSNN thì tính liêm chính khó được nâng cao. Vấn đề tiền lương chính là sự bất cập chung của cả hệ thống tiền lương và thu nhập đối với công chức nhà nước mà để giải quyết nó phải có những giải pháp tổng thể, không thể chỉ giải quyết chính sách tiền lương và thu nhập đối với công chức thuế.

## **CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KIỂM TRA CỦA TỔNG CỤC THUẾ ĐỐI VỚI VIỆC QUẢN LÝ NỢ THUẾ CỦA CÁC CỤC THUẾ**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế đến năm 2030**

#### **3.1.1. Bối cảnh và những yêu cầu mới trong kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế**

Trong bối cảnh phạm vi đổi rộng, với yêu cầu về thông tin ngày càng lớn, việc ứng dụng các tiến bộ của cách mạng công nghiệp 4.0 để triển khai tốt hơn công tác kiểm tra nội bộ đang được ngành Thuế các cấp tiếp cận triển khai. Tổng cục Thuế xác định rằng có một yêu cầu rất lớn trong việc đưa sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ mới nhất vào công tác quản lý thuế nói chung, và vào kiểm tra nói riêng.

Bên cạnh đó, song song với sự tăng trưởng về kinh tế, sự hoàn thiện hệ thống chính sách thuế và xu hướng hội nhập, những yêu cầu mới đối với công tác kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế như sau:

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để phân tích, đánh giá rủi ro tuân thủ pháp luật của các cục thuế trong việc quản lý nợ thuế; áp dụng các kỹ năng kiểm tra để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi gian lận thuế, giải quyết chính xác, kịp thời các trường hợp khiếu nại, tố cáo về quản lý nợ thuế đối các cục thuế.

Cần đẩy mạnh quản lý thuế, việc lập kế hoạch kiểm tra thông qua quản lý rủi ro bằng các tiêu chí trong văn bản quy phạm, quy trình nội bộ ngành thuế được số hoá. Dữ liệu thu thập từ các hệ thống ứng dụng như ứng dụng phân tích rủi ro (TPR), hệ thống cơ sở dữ liệu NNT (DWH), hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS) và ứng dụng hỗ trợ thanh tra - kiểm tra (TTR).

#### **3.1.2. Định hướng chung**

Với sự tăng trưởng về kinh tế, sự hoàn thiện hệ thống chính sách thuế và xu hướng hội nhập, Cục KTNB; GQKN, TC&PCTN cần đề ra những định hướng cho công tác kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế như sau:

Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật, quán triệt và thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Bộ Tài chính liên quan đến thực hiện các chủ trương, kế hoạch kiểm tra nói chung, kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế nói riêng. Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực công tác, phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức của đội ngũ công chức thanh tra Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN nhằm đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Phấn đấu đến năm 2030, 100% công chức thanh tra của Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN có am hiểu sâu sắc về lĩnh vực quản lý nợ thuế của các cục thuế.

Thường xuyên nghiên cứu, cập nhật các quy định của nhà nước về quản lý quản lý thuế, về các sắc thuế, về kiểm tra để vận dụng sáng tạo vào thực tiễn. Từng bước xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy trình nghiệp vụ về kiểm tra nói chung, kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế nói riêng làm công cụ để thực hiện các kế hoạch kiểm tra được phê duyệt, cũng như kiểm tra đột xuất. Khi phát hiện các hành vi vi phạm cương quyết trong vấn đề xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình kiểm tra khi phát hiện các hành vi vi phạm liên quan đến việc quản lý nợ thuế của các cục thuế cần căn cứ theo quy định của pháp luật để có hình thức xử lý phù hợp.

- Nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thuế làm công tác kiểm tra. Chú trọng xây dựng đội ngũ công chức thuế làm công tác kiểm tra tinh thông về chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt thành thạo và sử dụng tốt các ứng dụng công nghệ thông tin. Bên cạnh đó có phẩm chất đạo đức tư cách tốt, trung thực, liêm chính, không phiến hà, sách nhiễu.

- Thực hiện đầy đủ, đa dạng hơn các nội dung kiểm tra theo quy định của ngành trong đó Tổng cục Thuế tập trung chú trọng nội dung kiểm tra việc chấp hành công tác quản lý nợ thuế theo quy trình quản lý nợ thuế mới được ban hành năm 2022.

- Để góp phần cải thiện hiệu quả công tác kiểm tra, cần đẩy mạnh quản lý thuế, việc lập kế hoạch kiểm tra thông qua quản lý rủi ro bằng các tiêu chí trong văn bản quy phạm, quy trình nội bộ ngành thuế được số hoá. Dữ liệu thu thập từ các hệ thống ứng dụng như ứng dụng phân tích rủi ro (TPR), hệ thống cơ sở dữ liệu NNT (DWH), hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS) và ứng dụng hỗ trợ thanh tra - kiểm tra (TTR).

Bên cạnh đó, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để phân tích, đánh giá rủi ro tuân thủ pháp luật của các cục thuế. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để phân tích, đánh giá rủi ro tuân thủ pháp luật của các cục thuế; áp dụng các kỹ năng kiểm tra để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi gian lận, giải quyết chính xác, kịp thời các trường hợp khiếu nại, tố cáo về thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

### **3.2. Một số giải pháp hoàn thiện kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế**

#### ***3.2.1. Giải pháp hoàn thiện bộ máy kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế***

*Thứ nhất, luân chuyển, điều động tăng cường nhân sự công chức kiểm tra nội bộ*

Mục tiêu hướng tới tỷ lệ công chức thuộc biên chế kiểm tra nội bộ đạt tỷ lệ 25% tổng số công chức thuộc Tổng cục Thuế.

Đặt tiêu chí nguồn nhân lực, thành viên các đoàn kiểm tra có kiến thức chuyên môn đáp ứng với yêu cầu từng cuộc kiểm tra để đảm bảo kết quả đầu ra tốt, hoàn thành nhiệm vụ chính trị đặt ra. Bên cạnh đó, do tính chất công tác kiểm tra nội bộ thường xuyên tiếp xúc với các công chức thuế có kinh nghiệm làm việc lâu năm tại các cục thuế, do đó cần phân đấu toàn bộ công chức tối thiểu đạt trình độ đại học và tiến tới 80% công chức đạt trình độ thạc sĩ và kinh qua các lớp bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu. Do đó, Tổng cục Thuế cần xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng khoa học, phù hợp với yêu cầu đặt ra.

*Thứ hai, cần xếp hạng, chấm điểm đối với công chức dựa trên kết quả công việc hoàn thành hàng năm*

Để tiến hành đánh giá công việc hoàn thành, cần đưa ra các mức độ gồm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ, không hoàn thành nhiệm vụ. Căn cứ vào kết quả xếp loại vào từng quý và cuối năm sẽ tương ứng với phần thu nhập tăng thêm, các khoản thưởng của công chức, từ đó sẽ tạo động lực đối với các cán bộ, công chức toàn ngành nói chung và công chức kiểm tra nói riêng.

*Thứ ba, tích cực thực hiện điều động, luân chuyển công chức làm công tác kiểm tra*

Phát sinh từ môi trường đặc thù của công việc kiểm tra, công chức của Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN phải va chạm với những cám dỗ về lợi ích vật chất dẫn đến những tác động, ảnh hưởng lên quá trình kiểm tra cũng như kết quả kiểm tra. Do đó, để phòng ngừa những rủi ro đã nêu, việc luân chuyển vị trí việc làm, không để cán bộ kiểm tra làm công tác kiểm tra tại một vị trí quá lâu sẽ là giải pháp hiệu quả, cần thiết.

*Thứ tư, tăng cường đội ngũ cán bộ công chức làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát thực thi công vụ của cán bộ công chức làm công tác kiểm tra*

Đào tạo nguồn nhân lực giỏi có chất lượng trong hệ thống kiểm tra nội bộ là rất khó khăn đòi hỏi phải có thời gian nhất định bởi vì ngoài công việc kiểm tra nội bộ ngành thuế còn phải thực hiện đồng thời nhiều chức năng khác nên không thể tập trung toàn bộ cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt cho công tác kiểm tra ngay cùng một lúc. Nhiệm vụ trước mắt để hoàn thiện, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra nội bộ thì cần có các bộ phận giám sát như bộ phận pháp chế, thẩm định, kiểm tra lại toàn bộ việc áp dụng thi hành luật đối với từng nghiệp vụ cụ thể phát sinh trong quá trình kiểm tra đi tới kết luận và ra quyết định cuối cùng, nhằm tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm



trong hoạt động công vụ đặc biệt là tính công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan trong quá trình kiểm tra các cục thuế.

### ***3.2.2. Giải pháp hoàn thiện nội dung kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế***

#### ***3.2.2.1. Về kiểm tra thực hiện chỉ tiêu thu nợ, xử lý nợ thuế***

Khi kiểm tra việc thực hiện chỉ tiêu thu tiền thuế nợ, cần xác định rõ các chỉ tiêu thu tiền thuế nợ đã được Tổng cục Thuế giao tại công văn hướng dẫn từ đầu năm. Bên cạnh đó, cần phân tích, xét đến yếu tố thực tế tại cục thuế như cấu trúc, tính chất của các khoản nợ và khả năng thực tế của các cục thuế. Từ đó đưa ra kết luận kiểm tra và kiến nghị sau kiểm tra phù hợp.

Khi kiểm tra thực hiện chỉ tiêu thu nợ, cần rà soát số tiền thuế nợ xem đã đảm bảo chính xác và phân loại đúng nhóm, loại bỏ nhóm nợ khó thu ra khỏi số tiền thu tối thiểu chưa, nhằm tránh khả năng nợ khó thu nằm trong nhóm có khả năng thu làm chỉ tiêu giao số thu nợ tăng lên mà thực tế không thu được.

#### ***3.2.2.2. Về kiểm tra việc phân loại nợ thuế***

Kiểm tra việc triển khai thực hiện hoạt động phân loại nợ thuế theo quy trình QLNT, phản ánh đúng tính chất của khoản tiền thuế nợ và gắn trách nhiệm của từng công chức bộ phận thực hiện hoạt động QLNT.

Tập trung triển khai đẩy mạnh kiểm tra việc thực hiện rà soát phân loại nợ, xác định phân loại nợ chính xác là tiền đề để áp dụng các biện pháp quản lý và đôn đốc thu hồi nợ đọng hiệu quả. Xây dựng giải pháp cụ thể đối với từng nhóm nợ, cụ thể:

- Đối với các khoản nợ có khả năng thu: Kiểm tra sự phối hợp giữa bộ phận quản lý nợ thuế và bộ phận kiểm tra thuế của cục thuế trong việc phối hợp thực hiện phân tích cụ thể nguyên nhân, tình trạng nợ thuế đối với từng người nộp thuế, đôn đốc quyết liệt không để nợ mới phát sinh.

- Đối với khoản nợ khó thu: Kiểm tra bộ phận quản lý nợ đã phối hợp các phòng kiểm tra, các chi cục thuế rà soát các khoản nợ phân loại vào nợ khó thu hay chưa? Trong đó đặc biệt lưu ý các trường hợp bỏ khỏi địa chỉ kinh doanh, mang theo hóa đơn và còn nợ thuế, các doanh nghiệp chờ giải thể còn nợ thuế lớn, thu thập hồ sơ, rà soát, tham mưu chuyển cơ quan công an điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với các khoản nợ đang xử lý: Kiểm tra bộ phận quản lý nợ có chủ trì phối hợp với bộ phận kiểm tra, bộ phận quản lý các khoản thu từ đất thực hiện xử lý kịp thời, đúng pháp luật hay không.

- Đối với các khoản tiền thuế đang chờ điều chỉnh: Kiểm tra hoạt động rà soát số liệu nợ thuế phối hợp với các bộ phận kiểm tra, bộ phận kê khai kế toán thuế.

### *3.2.2.3. Về kiểm tra việc thực hiện đơn đốc thu tiền thuế nợ*

Thứ nhất, cần tăng cường đổi mới và áp dụng các biện pháp kiểm tra nội dung quản lý nợ thuế, trong đó tập trung kiểm tra việc cục thuế theo dõi các khoản nợ để xác định việc ban hành thông báo, quyết định, gửi đến DN để đơn đốc tiền thuế nợ, tiền chậm nộp đã đầy đủ, kịp thời và chính xác hay chưa. Ngoài ra, một trong những nội dung quan trọng là cục thuế đã theo dõi, giám sát tình hình sản xuất, kinh doanh của các DN nợ thuế thế nào, có thường xuyên không. Nhận định, kiểm tra chính xác nguyên nhân nợ thuế đối với từng trường hợp cụ thể, bảo đảm thực hiện theo đúng quy trình, quy định của pháp luật. Trường hợp vượt quá thẩm quyền phải chủ động phối hợp với các sở, ngành địa phương kịp thời báo cáo, tham mưu cho Lãnh đạo Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính để kịp thời xem xét, giải quyết.

Thứ hai, thường xuyên rà soát lại các văn bản, chính sách thuế để kịp thời bổ sung, cập nhật chính sách về đơn đốc thu tiền thuế nợ nhằm hỗ trợ công tác kiểm tra công tác đơn đốc thu hồi nợ thuế của cục thuế. Bên cạnh đó, cần kiểm tra việc theo dõi, đơn đốc thu hồi nợ thuế, ban hành thông báo nộp tiền thuế nợ, tiền chậm nộp gửi đến từng doanh nghiệp, người nộp thuế để đơn đốc thu tiền thuế nợ, tiền chậm nộp thuế của cục thuế.

Thứ ba, do tình trạng nợ thuế của doanh nghiệp luôn có nhiều diễn biến phức tạp với những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Vì vậy, kết quả kiểm tra việc quản lý nợ thuế của các cục thuế một cách hiệu quả sẽ giúp cục thuế có thêm kinh nghiệm và áp dụng những biện pháp đơn đốc thu nợ phù hợp. Nếu quản lý nợ thuế không đầy đủ và bao quát các khoản nợ sẽ làm cho số nợ tăng hoặc giảm, không phản ánh nợ tại cơ quan thuế. Mặt khác, sẽ làm cho tình trạng nợ ảo kéo dài, gây khó khăn cho việc thực hiện các biện pháp cưỡng chế. Đảm bảo quản lý nợ chính xác góp phần quan trọng trong việc đơn đốc nợ, giảm thiểu số nợ thuế, chống thất thu Ngân sách Nhà nước. Chính vì vậy, để thực hiện tốt công tác kiểm tra đối với nội dung này, cần tập trung thực hiện những việc sau:

- Chú trọng kiểm tra việc rà soát, phân loại chính xác số nợ thuế đến 31/12 hàng năm. Nếu trường hợp trong quá trình kiểm tra việc rà soát, phân loại nợ phát hiện sự

chênh lệch giữa cơ quan thuế và đối tượng nợ thuế thì cần nhanh chóng kiến nghị cho cục thuế ban hành quyết định điều chỉnh, xoá các khoản nợ thuế không có thực. Đó có thể là các khoản nợ chờ điều chỉnh do cơ quan thuế tạm tính nghĩa vụ thuế, nợ chờ điều chỉnh do chứng từ luân chuyển chậm, số thuế tính nhầm, nợ phạt chậm nộp tính nhầm.

+ Đối với các khoản nợ đã được xử lý tạm khoan nợ, giãn nợ thì tiếp tục theo dõi đến hết thời hạn theo các quyết định khoan nợ, giãn nợ. Đến hết thời hạn theo các quyết định khoan, giãn nợ mà người nợ thuế chưa nộp hết số thuế nợ thì cần cương quyết thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo Luật Quản lý thuế để thu hồi nợ thuế.

+ Đối với các khoản nợ khó thu của các doanh nghiệp đã giải thể, các đối tượng đã bỏ trốn, mất tích không có đối tượng để thu hồi nợ các cơ quan thuế cần theo dõi riêng, không tính phạt chậm nộp, tổng hợp, báo cáo Tổng Cục Thuế để tổng hợp báo cáo Chính phủ và Quốc hội xin chủ trương xử lý.

+ Đối với các khoản nợ thông thường cần phải thường xuyên tổ chức vận động, tuyên truyền, giải thích về nghĩa vụ cho người nộp thuế, tăng cường xử lý nghiêm minh các vi phạm về thuế để răn đe. Theo dõi sát tình hình kê khai, nộp thuế của người nộp thuế để nắm được kịp thời nợ phát sinh, thực hiện các biện pháp đôn đốc thu nộp để không phát sinh nợ mới.

- Cần xem xét để đưa vào áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro mới trong kiểm tra công tác quản lý nợ. Để áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro mới trong kiểm tra công tác quản lý nợ thuế chúng ta cần xây dựng được một hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ rủi ro mới để làm căn cứ tính điểm rủi ro. Hiện nay, bộ tiêu chí quản lý rủi ro trong kiểm tra công tác quản lý nợ đã cũ. Do đó, cần xây dựng một hệ thống tính điểm rủi ro mới, đánh giá mức độ rủi ro của từng cục thuế trong quản lý nợ thuế.

Khi áp dụng được kỹ thuật quản lý rủi ro trong kiểm tra quản lý nợ và kết hợp với kinh nghiệm của các công chức kiểm tra, mặc dù là công việc cần nhiều thời gian, công sức và chi phí, tuy nhiên nếu có thể thực hiện được thì chắc chắn hiệu quả kiểm tra công tác quản lý nợ thuế sẽ được nâng cao.

#### *3.2.2.4. Về kiểm tra việc thực hiện công khai thông tin người nộp thuế nợ tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước*

Để nâng cao hiệu quả kiểm tra việc công khai thông tin người nộp thuế nợ tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước, đoàn kiểm tra cần xác định đúng doanh nghiệp phải công khai thông tin nợ tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà

nước. Cụ thể, cần xem xét hàng tháng cục thuế có bỏ sót, hoặc tính nhầm số tiền nợ thuế cần phải công khai hay không.

Đối với các doanh nghiệp nợ tiền thuế lớn, có biểu hiện chây ì, cần kiểm tra xem cục thuế đã bổ sung kịp thời vào danh sách công khai thông tin người nộp thuế nợ tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước hay chưa.

Bên cạnh đó, cần kiểm tra công tác phối hợp giữa cục thuế với chính quyền địa phương để nắm bắt tình hình thực hiện việc công khai thông tin người nộp thuế nợ tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước xem đã đúng và đủ theo quy định chưa.

### *3.2.2.5. Về kiểm tra việc báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý nợ; việc lưu trữ tài liệu, dữ liệu về quản lý nợ*

Đoàn kiểm tra cần thường xuyên theo dõi, phối hợp với Vụ Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế để nắm bắt việc báo cáo thực hiện công tác quản lý nợ theo quy định. Trường hợp cần thiết, cần có đề xuất với lãnh đạo Cục KTNB; GQKN, TC&PCTN ban hành văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh đối với công tác báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý nợ; việc lưu trữ tài liệu, dữ liệu về quản lý nợ, không để các vi phạm tái diễn.

### *3.2.3. Giải pháp hoàn thiện hình thức kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế*

Tăng cường hình thức kiểm tra theo hình thức kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên đề là giải pháp cần được chú trọng trong thời gian tới. Việc áp dụng hình thức kiểm tra tại các cục thuế theo hình thức kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên đề (ví dụ trường hợp có đơn thư kiến nghị, phản ánh; hoặc trường hợp báo chí, phương tiện truyền thông đưa tin; ...) có nhiều ưu điểm, đảm bảo tính hiệu quả do Đoàn kiểm tra ít tốn kém nhân lực và chi phí hơn, tập trung nguồn lực tập trung kiểm tra riêng đối với lĩnh vực quản lý nợ thuế của cục thuế để tìm ra các dấu hiệu rủi ro, gian lận (khác với một cuộc kiểm tra nội bộ thông thường của Tổng cục Thuế tại cục thuế, ngoài nội dung quản lý nợ thuế, Đoàn kiểm tra phải thực hiện kiểm tra nhiều nội dung khác).

Ngoài ra, các nội dung kiểm tra theo hình thức kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên đề thường phát hiện nhiều sai phạm lớn, phức tạp, giúp cho Đoàn kiểm tra đúc kết nhiều kinh nghiệm để kiến nghị Bộ Tài chính chấn chỉnh toàn ngành.

Việc tăng cường hình thức kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên đề cũng sẽ làm giảm phiền hà cho các cục thuế, tránh những khoản chi phí cục thuế phải bỏ ra khi tiếp đón đoàn kiểm tra khi làm việc, đồng thời không làm gián đoạn giờ giấc làm việc bình

thường của cục thuế. Việc chuyển đổi này cũng tránh làm ảnh hưởng đến các Phòng chức năng khác của cục thuế do nội dung kiểm tra của cuộc kiểm tra thường gói gọn.

### ***3.2.4. Giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế***

#### ***3.2.4.1. Hoàn thiện chuẩn bị kiểm tra***

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế có đúng tinh thần, chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng cục Thuế và có trọng tâm. Việc lập kế hoạch kiểm tra hàng năm cần đảm bảo không trùng với kế hoạch của các cơ quan cấp trên như Bộ Tài chính, Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ,... và đảm bảo không kiểm tra theo kế hoạch đối với đơn vị nhiều hơn một lần trong năm trừ trường hợp luật định khác.

- Hoàn thiện việc ứng dụng cơ sở dữ liệu về các cục thuế để phục vụ công tác lập kế hoạch, dữ liệu sử dụng được thu thập từ các hệ thống ứng dụng của ngành thuế tự xây dựng, dữ liệu từ ngoài ngành. Không những thế, cần kỹ lưỡng khi tiến hành phân tích rủi ro để lựa chọn kế hoạch, đi sâu vào phân tích sự ảnh hưởng của tình hình nội bộ và chính sách phân đối đến việc quản lý nợ của các cục thuế.

- Cần xây dựng quy chế trao đổi, phối hợp giữa các bên có liên quan để kịp thời thu thập thông tin về quản lý nợ thuế. Cục KTNB; GQKN, TC & PCTN cần trình Tổng cục Thuế đối với nội dung này, thậm chí trong trường hợp cần thiết có thể mua cơ sở dữ liệu thương mại từ các nguồn thông tin chính thống.

#### ***3.2.4.2. Hoàn thiện tiến hành kiểm tra***

- Nội dung kiểm tra cần phải xem xét tổng thể. Khi kiểm tra phải từng bước rà soát, có được hiểu biết, kiến thức cơ bản về đối tượng tiến hành kiểm tra để xác định rõ, đúng cách thức, nội dung sẽ kiểm tra, phối hợp tốt giữa các thành viên trong đoàn kiểm tra đồng thời trưởng đoàn kiểm tra cần kịp thời nắm bắt tình hình, kết quả chung để định hướng rõ ràng, đảm bảo tiết kiệm công sức, thời gian đảm bảo kết quả kiểm tra.

- Trước khi tiến hành kiểm tra các đoàn kiểm tra phải có đầy đủ thông tin về tình hình nợ thuế, việc phân loại và xử lý nợ thuế của cục thuế, tình hình đơn đốc thu tiền thuế nợ, tình hình báo cáo theo quy định của các cục thuế.

#### ***3.2.4.3. Hoàn thiện kết thúc kiểm tra***

- Cần nắm bắt đầy đủ các thông tin từ phía cục thuế khi kết thúc cuộc kiểm tra phục vụ công tác đơn đốc, cưỡng chế nợ, cụ thể như: Thông tin về tài khoản ngân hàng,

thông tin về tình hình tài chính, thông tin về tài sản, các khoản tiền tương lai sẽ được thanh toán của NNT... và tiếp tục theo dõi sát sao, nhắc nhở để thực hiện đầy đủ các kiến nghị tại kết luận.

- Phòng kiểm tra nội bộ hàng quý cần tổ chức các buổi họp rút kinh nghiệm sau những đoàn kiểm tra, tổng hợp các sai phạm có tần suất xuất hiện, lập lại ở nhiều cục thuế để phổ biến cho các công chức riêng và cho các cục thuế nói chung. Việc phổ biến các sai phạm cho các cục thuế là cần thiết do niên độ kiểm tra thường không song trùng với thời điểm tiến hành kiểm tra, dẫn đến những vi phạm từ các năm trước vẫn xảy ra đến thời điểm kiểm tra, để kịp thời cảnh báo đến các cục thuế chủ động khắc phục, điều chỉnh.

### **3.2.5. Giải pháp khác**

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng CNTT tất cả các khâu của công tác kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của của cục thuế, điện tử hoá chi tiết hơn nữa hệ thống quy trình kiểm tra nội bộ từ khâu phân tích rủi ro, lập kế hoạch kiểm tra, phân công công việc, giao tiếp trong đoàn kiểm tra, chính xác, kịp thời và xử lý phù hợp theo tính chất đối với từng nội dung kiểm tra, đặc biệt là với nội dung quản lý nợ thuế của các cục thuế.

- Tổ chức các buổi đào tạo trong đơn vị về nội dung quản lý nợ thuế để nâng cao trình độ chuyên môn, tăng cường kiến thức cho cán bộ, công chức kiểm tra. Ngoài kiến thức chuyên môn thì Tổng cục Thuế cũng cần trang bị cho cán bộ, công chức kỹ năng tin học văn phòng để tăng hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc, trang bị thêm các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý tình huống khi làm việc với cục thuế.

- Xây dựng chế độ khen thưởng cho các cá nhân có thành tích xuất sắc, nỗ lực không ngừng trong công tác kiểm tra quản lý nợ, tạo động lực thi đua giữa các cá nhân với nhau, từ đó tạo thái độ làm việc tích cực cho công chức. Thực hiện xử phạt nghiêm minh đối với cán bộ, công chức có thái độ quan liêu, những nhiều ảnh hưởng đến uy tín của ngành thuế nói chung và cơ quan Tổng cục Thuế nói riêng.

- Tăng cường giám sát các đoàn kiểm tra đảm bảo kỷ cương kỷ luật của cán bộ kiểm tra trong thực thi công vụ. Đặc điểm của công tác kiểm tra là thường xuyên tiếp xúc với cục thuế, người nộp thuế, dẫn đến dễ bị cám dỗ và sa ngã. Nếu tính liêm chính không được đảm bảo và có sự thông đồng giữa công chức kiểm tra với cục thuế thì sẽ giảm đáng kể hiệu lực và hiệu quả của công tác kiểm tra nợ thuế nói riêng, công tác quản lý nợ thuế nói chung.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá để nâng cao hiệu quả kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế, cụ thể các tiêu chí đặt ra như số cán bộ tham gia một cuộc kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế; thời gian thực hiện một cuộc kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế; số đơn vị được kiểm tra: số lượng và tỷ lệ thực hiện so với tổng số đối tượng phải kiểm tra; hiệu quả và sự tuân thủ quyết định xử lý kiểm tra: việc thực hiện kiến nghị kết luận kiểm tra của cục thuế.

### **3.3. Một số kiến nghị với Bộ Tài chính**

Thứ nhất, đề nghị Bộ Tài chính kiến nghị với Quốc hội hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về thuế sao cho phù hợp và thống nhất. Ngành thuế hiện nay đang tồn tại hiện tượng có quá nhiều văn bản hướng dẫn chồng chéo, phức tạp, thiếu tính hệ thống, nội dung không thống nhất, hay trái ngược nhau. Điều này gây khó khăn trực tiếp cho người nộp thuế khi muốn thực hiện đúng nghĩa vụ thuế của mình và khó khăn cho cả cán bộ thuế khi thực hiện theo văn bản hướng dẫn. Vì vậy, Bộ Tài chính cần chỉ đạo Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí thuộc Bộ Tài chính tiến hành rà soát, lấy ý kiến Tổng cục Thuế và các cơ quan chức năng để sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về thuế và quản lý thuế cho phù hợp với yêu cầu của sự phát triển kinh tế xã hội đất nước.

Thứ hai, đề nghị Bộ Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan để xây dựng văn bản pháp lý quy định rõ trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin cho đoàn kiểm tra. Để có cơ sở trao đổi thông tin về NNT với các đơn vị liên quan như các ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng, cần thiết có văn bản pháp lý hướng dẫn trao đổi, cung cấp thông tin có liên quan đến NNT giữa các bên đồng thời quy định rõ thời gian cung cấp thông tin, trách nhiệm của từng bộ phận cung cấp thông tin.

Thứ ba, đề nghị Bộ Tài chính kiến nghị với Chính phủ và Quốc hội ban hành chính sách tiền lương hợp lý. Trong điều kiện kinh tế của nước ta hiện nay, giá cả sinh hoạt đang ở mức cao so với thu nhập trung bình của người dân nhất là tại các thành phố lớn như Hà Nội. Ngành thuế là ngành có mức đóng góp cao nhất, chiếm tỷ trọng hơn 80% vào ngân sách nhà nước và hưởng lương từ ngân sách. Tuy nhiên, mức lương của cán bộ thuế so với các ngành nghề khác trong xã hội còn quá thấp, nhất là so sánh với những ngành nghề đòi hỏi sử dụng lao động trí thức cao và áp lực từ nghề mang lại. Ở các nước phát triển, một người làm cán bộ thuế có đủ khả năng về tài chính cho cả một gia đình. Ở nước ta, do chịu sự chi phối của chi ngân sách nhà nước, lương hàng tháng cũng như phúc lợi xã hội của cán bộ thuế rất thấp, chưa xứng đáng với áp lực công việc

và sức lao động cũng như cống hiến của cán bộ thuế cho xã hội. Bên cạnh đó, ngành thuế là ngành tiếp xúc trực tiếp với NNT vì vậy rất dễ dẫn đến tham nhũng, thông đồng với người nộp thuế nhằm chiếm đoạt, gian lận tiền thuế. Do vậy, Bộ Tài chính cần nghiên cứu, xem xét đề xuất với cơ quan có thẩm quyền để nâng cao đời sống vật chất cho ngành thuế để cán bộ thuế có thể yên tâm làm việc và cống hiến cho đất nước, tham gia tích cực vào phong trào chống tham nhũng.



## KẾT LUẬN

Công tác kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế đã dần được hoàn thiện, đáp ứng theo đúng yêu cầu, mục tiêu của lộ trình cải cách và hiện đại hoá ngành Thuế. Tuy nhiên, công tác này vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục. Bằng quá trình nghiên cứu và qua thực tế làm việc tại cơ quan Tổng cục Thuế trong thời gian vừa qua, tác giả đề án "Kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế" đã đạt được các kết quả chủ yếu sau:

Thứ nhất, đề án đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kiểm tra đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế như: Khái niệm, hình thức, quy trình và nội dung của công tác kiểm tra; các nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm tra.

Thứ hai, đề án đã đánh giá thực trạng công tác kiểm tra của Tổng cục Thuế, chỉ ra những ưu điểm hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong hoạt động kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế.

Thứ ba, đề án đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế trong thời gian tới. Các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế tập trung khắc phục những hạn chế trong công tác này. Ngoài ra, đề án còn đề xuất một số kiến nghị với Bộ Tài chính nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra.

Tác giả đề án kính mong nhận được sự góp ý của các nhà khoa học, nhà quản lý và độc giả để hoàn thiện đề án./.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2022), “*Tài liệu bồi dưỡng một số kỹ năng thanh tra, kiểm tra*”, Nhà xuất bản Tài chính;
2. Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng (2019), “*Tổng kết công tác thuế, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2019*”;
3. Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng (2020), “*Tổng kết công tác thuế, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2020*”;
4. Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng (2021), “*Tổng kết công tác thuế, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2021*”;
5. Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng (2022), “*Tổng kết công tác thuế, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2022*”;
6. Cục Kiểm tra nội bộ; Giải quyết khiếu nại, tố cáo và Phòng chống tham nhũng (2023), “*Tổng kết công tác thuế, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2023*”;
7. Đoàn Thị Thu Hà & Nguyễn Thị Ngọc Huyền (2002), *Giáo trình Khoa học quản lý 2*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật;
8. Phan Hữu Nghị & Nguyễn Thị Bất (2020), *Giáo trình Thuế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân;
9. Quốc Hội (2019), *Luật Quản lý thuế*, Nhà xuất bản Lao động;
10. Thủ tướng Chính phủ (2018), “*Quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính*”;
11. Thủ tướng Chính phủ (2021), “*Quyết định số 15/2021/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 sửa đổi, bổ sung khoản 1 điều 3 quyết định số 41/2018/QĐ-TTg ngày 25/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế thuộc Bộ Tài chính*”;
12. Tổng cục Thuế (2022), *Quyết định số 1129/QĐ-TCT ngày 20/7/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế*;
13. Tổng cục Thuế (2022), *Quyết định số 1795/QĐ-TCT ngày 11/11/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế*;
14. Tổng cục Thuế (2018), *Quyết định số 188/QĐ-TCT ngày 27/02/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế*;
15. Tổng cục Thuế (2018), *Quyết định số 212/QĐ-TCT ngày 07/3/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế*;

16. Tổng cục Thuế (2022), “*Tài liệu bồi dưỡng một số kỹ năng thanh tra, kiểm tra thuế*”, Nhà xuất bản Lao động;
17. Vụ Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế (2023), "*Tổng kết công tác thuế, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2019*";
18. Vụ Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế (2023), "*Tổng kết công tác thuế, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2020*";
19. Vụ Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế (2023), "*Tổng kết công tác thuế, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2021*";
20. Vụ Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế (2023), "*Tổng kết công tác thuế, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2022*";
21. Vụ Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế (2023), "*Tổng kết công tác thuế, nhiệm vụ và giải pháp công tác thuế năm 2023*";
22. Website: Tạp chí Thuế <https://thuenhanuoc.vn>;
23. Website Tổng cục Thuế: [www.gdt.gov.vn](http://www.gdt.gov.vn);
24. Website Bộ Tài chính: [www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn).

## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 01: MẪU CÂU HỎI PHỎNG VẤN SÂU

(Dành cho đại diện các cục thuế đã từng được kiểm tra)

Kính chào ông/bà! Để có cơ sở đề xuất giải pháp hoàn thiện kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế, kính mong ông/bà cung cấp thông tin bằng cách trả lời các câu hỏi dưới đây:

**Câu 1: Xin ông/bà hãy đánh giá về bộ máy kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế giai đoạn 2019-2023?**

- Về số lượng?
- Về kiến thức, kỹ năng?
- Về thái độ, phẩm chất đạo đức?

**Câu 2: Xin ông/bà hãy đánh giá về các hình thức kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế giai đoạn 2019-2023?**

- Về kiểm tra định kỳ theo kế hoạch/đột xuất
- Về kiểm tra toàn diện/chuyên đề

**Câu 3: Xin ông/bà hãy đánh giá về nội dung kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế giai đoạn 2019-2023?**

- Về nội dung kiểm tra thực hiện chỉ tiêu thu nợ, xử lý nợ thuế
- Về nội dung kiểm tra thực hiện phân loại nợ thuế
- Về nội dung kiểm tra đôn đốc thu tiền thuế nợ
- Về nội dung kiểm tra việc thực hiện công khai thông tin người nộp thuế nợ tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước
- Về nội dung kiểm tra việc báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý nợ; việc lưu trữ tài liệu, dữ liệu về quản lý nợ

**Câu 4: Xin ông/bà hãy đánh giá về quy trình kiểm tra của Tổng cục Thuế đối với việc quản lý nợ thuế của các cục thuế giai đoạn 2019-2023?**

- Về chuẩn bị kiểm tra
- Về tiến hành kiểm tra
- Về kết thúc kiểm tra

**PHỤ LỤC 02: DANH SÁCH CÁC CỤC THUẾ THAM GIA PHÒNG VẤN SÂU**

<b>STT</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Đơn vị công tác</b>	<b>Ngày phỏng vấn</b>
1	Phó Cục trưởng	Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh	28/3/2024
2	Cục trưởng	Cục Thuế tỉnh Bắc Giang	28/3/2024
3	Phó Cục trưởng	Cục Thuế tỉnh Hà Nam	20/4/2024
4	Phó Cục trưởng	Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên	20/4/2024
5	Trưởng Phòng Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế	Cục Thuế tỉnh Vĩnh Phúc	22/4/2024
6	Trưởng Phòng Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế	Cục Thuế thành phố Hà Nội	22/4/2024
7	Phó Cục trưởng	Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh	22/4/2024
8	Trưởng Phòng Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế	Cục Thuế thành phố Hải Phòng	30/5/2024